**Chương 3: Lịch sử Việt Nam thời kỳ hiện đại và đương đại (từ năm 1945 đến nay)**

**3.1. Việt Nam trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp và xây dựng chế độ dân chủ mới (1945 - 1954)**

**3.1.1. Xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ cộng hòa (1945 - 1946)**

***3.1.1.1. Đặc điểm tình hình và nhiệm vụ mới của dân tộc Việt Nam khi chế độ dân chủ cộng hòa được thành lập***

Chỉ 10 ngày sau Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thành công, quân đội của các nước trong phe Đồng minh, với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật, đã kéo vào nước ta. Từ vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) trở ra Bắc, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch ồ ạt vào Hà Nội và hầu khắp các tỉnh. Chúng kéo theo bọn tay chân nằm trong các tổ chức phản động: Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) với âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, thành lập chính quyền tay sai. Trong khi đó, từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, quân Anh đã mở đường cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược.

Lợi dụng tình hình trên, các lực lượng phản cách mạng ở miền Nam như Đại Việt, Tờ-rốt-kít, bọn phản động trong các giáo phái ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp, ra sức chống phá cách mạng. Ở nước ta lúc đó còn 6 vạn quân Nhật chờ giải giáp, nhưng một bộ phận của chúng đã theo lệnh đế quốc Anh đánh lại lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng.

Nền độc lập, tự do của nước ta bị đe dọa nghiêm trọng, nhà nước cách mạng lại chưa được củng cố. Nền kinh tế nước ta chủ yếu là nông nghiệp vốn đã nghèo nàn, lạc hậu, còn bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Hậu quả của nạn đói do Nhật - Pháp gây ra cuối năm 1944 - đầu năm 1945 vẫn chưa được khắc phục. Tiếp đó, nạn lụt lớn tháng 8 - 1945 làm vỡ đê 9 tỉnh Bắc Bộ, rồi đến hạn hán kéo dài, làm cho 50% ruộng đất không thể cày cấy được. Sản xuất công nghiệp đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt. Nạn đói mới lại đang đe dọa nghiêm trọng đời sống nhân dân. Ngân sách nhà nước lúc này hầu như trống rỗng. Nhà nước cách mạng lại chưa kiểm soát được Ngân hàng Đông Dương. Thêm vào đó, quân Tưởng tung ra trên thị trường các loại tiền đã mất giá trị, càng làm cho nền tài chính nước ta thêm rối loạn. Chế độ thực dân, phong kiến để lại những hậu quả rất nặng nề về mặt văn hóa: Hơn 95% dân số không biết chữ, các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, mại dâm, nghiện hút... tràn lan. Nước Việt Nam đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

***3.1.1.2. Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng nền dân chủ cộng hòa***

**Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc**

Nghiên cứu lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi đến một nhận định: "Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn". Từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, kết hợp nhuần nhuyễn luận điểm "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với tư tưởng "dân là gốc" của ông cha, Người đã đưa ra một chân lý: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công".

Chính vì vậy, ngày từ khi ra đời, Ðảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn coi trọng việc xây dựng, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Ðảng, các tầng lớp nhân dân không phân biệt thành phần, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, tập hợp đoàn kết trong Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc giành thắng lợi lịch sử trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Những ngày đầu nước Việt Nam dân chủ cộng hòa còn non trẻ, trong Quốc hội của nước Việt Nam khi ấy có rất nhiều những thành viên là người của các đảng phái, nhiều nhân sĩ, trí thức, nhiều quan lại cao cấp của chính quyền phong kiến đã vì nghĩa lớn về cùng nước non. Trong tổng số 15 thành viên của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ngày 28 tháng 8 năm 1945, ngoài các thành viên thuộc Đảng Cộng sản Đông Dương còn có 2 thành viên thuộc Đảng Dân chủ là Dương Đức Hiền – Bộ trưởng Bộ Thanh niên và Vũ Đình Hòe – Bộ trưởng Bộ quốc gia Giáo dục và 4 thành viên Chính phủ không thuộc đảng phái nào là các ông: Nguyễn Mạnh Hà – Bộ trưởng Bộ quốc dân kinh tế; Vũ Trọng Khánh – Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Đào Trọng Kim – Bộ trưởng Bộ Giao thông công chánh; Nguyễn Văn Tố - Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội. Chính phủ Liên hiệp kháng chiến thành lập tháng 2-1946 gồm 10 bộ thì có 02 bộ là Quốc phòng và Nội vụ do người không đảng phái nắm, các bộ ngoại giao, kinh tế, xã hội, canh nông, do Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội (Việt Cách) nắm. Việt Minh và Đảng Dân chủ chỉ nắm 4 ghế bộ trưởng. Hoàng đế Bảo Đại thoái vị và được mời làm cố vấn tối cao v..v…

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thành lập nhiều hình thức tổ chức thích hợp và rất linh hoạt nhằm tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, hướng dẫn toàn dân đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung. Mặt trận Việt Minh, một hình thức tổ chức của các lực lượng yêu nước, đã thành công trong việc đoàn kết nhân dân giành chính quyền và giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc giữ chính quyền. Song để thu hút rộng rãi hơn nữa mọi người Việt Nam yêu nước, đáp ứng tốt hơn, đầy đủ hơn yêu cầu huy động sức mạnh của toàn dân vào việc bảo vệ thành quả cách mạng, tháng 5 năm 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập. Song song với Mặt trận Việt Minh, Liên Việt thu hút thêm nhiều thân hào, nhân sĩ, trí thức, quan lại cũ, chức sắc các tôn giáo... nhằm đoàn kết tất cả các lực lượng và cá nhân trước đây chưa có điều kiện tham gia Mặt trận Việt Minh cùng phấn đấu cho một nước Việt Nam độc lập, tự do.

**Xây dựng nền dân chủ cộng hòa: Tổng tuyển cử trong cả nước**

Ngày 8-9-1945, Chính phủ Lâm thời công bố lệnh Tổng tuyển cử trong cả nước.

Ngày 6-1-1946, vượt qua mọi hành động chống phá của kẻ thù, lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, hơn 90% cử tri trong cả nước đã nô nức đi bầu những đại biểu chân chính của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước. Đồng bào Nam Bộ đã phải đổ máu khi đi bỏ phiếu.

333 đại biểu khắp Bắc - Trung - Nam, tượng trưng cho khối đoàn kết toàn dân, được bầu vào Quốc hội. Ngày 2 - 3 - 1946, tại phiên họp đầu tiên ở Hà Nội. Quốc hội nhất trí xác nhận thành tích của Chính phủ Lâm thời trong những ngày đầu xây dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời lập ra Ban Dự thảo Hiến pháp và thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Sau bầu cử Quốc hội, khắp các địa phương từ tỉnh đến xã ở Trung Bộ và Bắc Bộ đều tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Ủy ban hành chính các cấp được thành lập, thay cho các ủy ban nhân dân. Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân bước đầu được củng cố và kiện toàn. Tháng 11-1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã được thông qua.

**Diệt giặc đói**

Để giải quyết nạn đói, đồng bào cả nước hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và noi gương Người, lập các hũ gạo cứu đói và không dùng gạo, ngô để nấu rượu, tổ chức “ngày đồng tâm” để có thêm gạo cứu đói. Việc tăng gia sản xuất được đẩy mạnh. Phong trào thi đua sản xuất được dấy lên ở khắp các địa phương. Diện tích ruộng đất hoang hóa nhanh chóng được gieo trồng các loại cây lương thực và hoa màu. Công nhân, bộ đội, cán bộ, viên chức nhà nước học sinh, trí thức, công thương v.v... tự nguyện tổ chức thành từng đoàn từng đội đi về nông thôn giúp nông dân đắp đê phòng lụt, khai hoang, phục hóa.

Chính quyền cách mạng còn tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho nông dân nghèo; chia lại ruộng công theo nguyên tắc công bằng và dân chủ, ra thông tư giảm tô; ra sắc lệnh bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác. Nhờ có những biện pháp tích cực trên đây, nạn đói đã được đẩy lùi.

**Diệt giặc dốt**

Để xóa nạn mù chữ và nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân lao động, ngày 8 - 9 - 1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ và kêu gọi toàn dân tham gia phong trào xóa nạn mù chữ. Các cấp học đều phát triển mạnh. Cuối năm 1946, toàn quốc tổ chức được gần 76.000 lớp học; xoá mù chữ cho hơn 2,5 triệu người. Nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới: theo tinh thần dân tộc và dân chủ.

**Giải quyết khó khăn về tài chính**

Nhằm giải quyết những khó khăn về tài chính, chính phủ kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân. Hưởng ứng xây dựng “Quỹ độc lập” và phong trào “Tuần lễ vàng" do Chính phủ phát động, đồng bào cả nước hăng hái đóng góp tiền của và vàng, bạc. Nhân dân đã đóng góp được 370 kg vàng, 20 triệu đồng vào “Quỹ độc lập”, 40 triệu đồng vào “Quỹ đảm phụ quốc phòng”. Ngày 31 - 1 - 1946. Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam và đến ngày 23 - 11 - 1946, Quốc hội quyết định cho lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.

***3.1.1.3. Đấu tranh chống lại âm mưu bành trướng và xâm lược của các thế lực đế quốc, thực dân***

**Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược**

Được sự giúp đỡ của quân Anh, đêm 22 rạng sáng 23-9-1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở ủy ban Nhân dân Nam Bộ và cơ quan Tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn anh dũng đánh trả quân xâm lược bằng mọi hình thức và mọi thứ vũ khí, triệt nguồn tiếp tế của địch trong thành phố, tổng bãi công, bãi thị, bãi khóa, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên khắp đường phố. Một loạt nhà máy, kho tàng của địch ở Sài Gòn bị đánh phá. Điện, nước bị cắt. Các chiến sĩ lực lượng vũ trang của ta đột nhập sân bay Tân Sơn Nhất, đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến Sài Gòn phá Khám lớn, v.v...

Đầu tháng 10 -1945, tướng Lơ-cơ-léc đến Sài Gòn cùng nhiều đơn vị bộ binh và xe bọc thép mới từ Pháp sang tăng viện. Có sự hỗ trợ của Anh và Nhật, quân Pháp phá vòng vây xung quanh Sài Gòn - Chợ Lớn, đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, đồng thời tích cực chuẩn bị đối phó với âm mưu của Pháp muốn mở rộng chiến tranh ra cả nước. Hàng vạn thanh niên nô nức lên đường nhập ngũ. Nhân dân Bắc Bộ, Trung Bộ thường xuyên tổ chức quyên góp tiền bạc, quần áo, thuốc men... ủng hộ đồng bào Nam Bộ.

**Hòa hoãn, nhân nhượng với quân Tàu Tưởng ở miền Bắc**

Trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Nam đang diễn ra ngày càng ác liệt, nhân dân ta vẫn phải đối phó với âm mưu và hành động chống phá của 20 vạn quân Tàu Tưởng cùng bè lũ tay sai.

Quân Tàu Tưởng đã sử dụng bọn Việt Quốc, Việt Cách để phá ta từ bên trong. Dựa vào quân Tưởng, chúng đòi ta phải cải tổ Chính phủ, gạt những đảng viên cộng sản ra khỏi Chính phủ Lâm thời...

Nhằm hạn chế sự phá hoại của bọn tay sai của Tưởng, tại phiên họp đầu tiên, Quốc hội khóa I đồng ý chia cho chúng 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp chính thức như Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế, Bộ Xã hội; đồng thời nhân nhượng cho quân Tàu Tưởng một số quyền lợi về kinh tế như cung cấp một phần lương thực, thực phẩm, nhận tiêu tiền "quan kim” và “quốc tế".

Mặt khác, Chính phủ đã ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng; giam giữ những phần tử chống đối lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; lập tòa án quân sự để trừng trị bọn phản cách mạng.

**Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước Việt - Pháp (14-9-1946)**

Sau khi chiếm đóng các đó thị ở Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ, thực dân Pháp chuẩn bị tiến quân ra miền Bắc để thôn tính cả nước ta.

1. Hoàn cảnh lịch sử:

- Pháp muốn mở rộng chiến tranh nhằm thôn tính cả nước ta, chúng đàm phán với Tưởng Giới Thạch để thay thế quân Tưởng chiếm đóng miền Bắc Việt Nam. Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng một số quyền lợi ở Trung Quốc. Hiệp ước Hoa-Pháp được ký ngày 28-2-1946.

Hiệp ước Hoa - Pháp đặt nhân dân ta trước hai con đường:

- Khẩn trương cầm vũ khí chống Pháp.

- Chủ động đàm phán với Pháp để loại trừ quân Tưởng. Tranh thủ thời gian hòa hoãn, chuẩn bị lực lượng bước vào cuộc chiến tranh với Pháp sau này.

- Trước tình hình đó, ta chọn con đường thứ hai. Ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta ký với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.

2. Nội dung Hiệp định Sơ bộ

- Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do.

- Chính phủ ta cho quân Pháp vào miền Bắc thay quân Tưởng giải giáp quân Nhật.

- Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.

3. Ý nghĩa

- Giúp ta tránh phải đối đầu với nhiều kẻ thù cùng một lúc: Ta loại trừ bớt được kẻ thù là quân Tàu Tưởng và tay sai, để tập trung lực lượng vào kẻ thù chính là thực dân Pháp.

- Giúp ta có thêm thời gian củng cố xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang để chuẩn bị kháng chiến chống Pháp lâu dài.

4. Tình hình sau khi ký Hiệp định Sơ bộ

- Ta: tranh thủ củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt: thành lập Liên Việt, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam... xây dựng và củng cố các lực lượng vũ trang.

- Pháp: vẫn gây xung đột ở Nam Bộ, lập Chính phủ Nam Kỳ tự trị, tăng cường khiêu khích, làm thất bại cuộc đàm phán ở Phông-ten-nơ-blô ở Pháp.

- Ngày 14-9-1946, Hồ Chí Minh kí với Chính phủ Pháp bản Tạm ước, tiếp tục nhượng hộ cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hoá ở Việt Nam để có thời gian xây dựng và củng cố lực lượng, chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà ta biết chắc chắn nhất định sẽ nổ ra.

**3.1.2. Sự bùng nổ và tiến triển của cuộc kháng chiến trong toàn quốc (1946 - 1950)**

***3.1.2.1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ***

- Thực dân Pháp bội ước. Chúng lập ra cái gọi là “chính phủ Nam Kỳ tự trị” vào ngày 1-6-1946 nhằm tách Nam Kỳ ra khỏi nước Việt Nam thống nhất.

+ Sau Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, Pháp khiêu khích ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn kiên trì tìm cách duy trì hòa bình, tránh chiến tranh.

+ Tại Hà Nội, thực dân Pháp liên tiếp gây xung đột vũ trang. Chúng cho xe ủi phá các công sự của ta ở phố Lò Đúc, gây ra các vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún và phố Yên Ninh.

+ Ngày 18-12-1946, Pháp gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiếm soát thủ đô cho chúng.

- Ban thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định phát động toàn quốc kháng chiến vào ngày 19-12-1946.

- Tối 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra ***Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến***. Kháng chiến chống thực dân Pháp đã bùng nổ.

**Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của ta**

- Tháng 9-1947, Tổng Bí thư Trường Chinh đã viết tác phẩm ***“Kháng chiến nhất định thắng lợi”***, tổng kết lại những nội dung cơ bản đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm luợc.

- Nội dung cơ bản của ***đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của ta là cuộc chiến tranh nhân dân - kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.***

\* Thứ nhất, ***kháng chiến toàn dân:***

- Xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, từ quan điểm “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” của Chủ nghĩa Mác Lê-nin, từ tư tưởng chiến tranh nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Trong đó lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân, gồm: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích làm nòng cốt.

- Để phát huy tối đa sức mạnh của toàn dân tộc, Đảng tổ chức, tập hợp mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, đảng phái,... cùng tham gia một mặt trận dân tộc thống nhất (Mặt trận Việt Minh).

- Có lực lượng toàn dân tham gia mới thực hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.

\* Thứ hai, ***kháng chiến toàn diện:***

- Do địch đánh ta toàn diện nên ta phải chống lại toàn diện.

- Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến toàn diện trên tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục ngoại giao,... nhằm phát huy khả năng của mỗi người trên từng lĩnh vực, tạo ra sức mạnh tổng hợp.

+ Về quân sự: Thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích.

+ Về chính trị: Năm 1948, tại Nam Bộ, bầu cử Hội đồng Nhân dân cấp xã đến cấp tỉnh; Ở nhiều nơi, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Kháng chiến hành chính các cấp được củng cố và kiện toàn.

+ Về kinh tế: Ta chủ trương phá hoại kinh tế của địch, xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc.

+ Về văn hoá: Xóa bỏ nền văn hóa ngu dân, nô dịch của thực dân Pháp và xây dựng nền văn hóa dân chủ mới cho nước nhà.

+ Về giáo dục: Tháng 7-1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông.

+ Về ngoại giao: Ngày 14-1-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với bất cứ nước nào tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Sau đó, Trung Quốc, Liên Xô, lần lượt các nước dân chủ nhân dân khác công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

- Đồng thời ta vừa kháng chiến vừa kiến quốc, tức là xây dựng chế độ mới nên phải kháng chiến toàn diện.

\* Thứ ba, ***kháng chiến trường kỳ:***

- So sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch chênh lệch, địch mạnh hơn ta nhiều về mọi mặt, ta chỉ hơn địch về tinh thần và chính nghĩa. Do đó, ta phải có thời gian để chuyển hóa lực lượng, làm cho địch yếu dần, phát triển lực lượng của ta, tiến lên đánh bại kẻ thù.

- Thông qua cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 và Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 thấy rõ chủ trương đánh bại kế hoạch “Đánh nhanh thắng nhanh”, buộc thực dân Pháp phải chuyển qua đánh lâu dài của Đảng ta.

\* Thứ tư, ***kháng chiến tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế:***

- Mặc dù rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ từ bên ngoài, nhưng vận mệnh của dân tộc ta phải do nhân dân ta quyết định, phải dựa vào sức mạnh của ta là chủ yếu; sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ.

- Đảng và nhân dân nhận thức được rằng: xây dựng nền chính trị, kinh tế, giáo dục,… vững mạnh chính là tiềm lực để thực hiện kháng chiến tự lực cánh sinh.

- Mặc dù vậy, Đảng ta luôn tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với bất cứ nước nào tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

***3.1.2.2. Xây dựng nền dân chủ cộng hòa***

- Cuối năm 1946, công việc chuẩn bị cho kháng chiến ở Hà Nội được đẩy mạnh. Đợt tổng di chuyển bắt đầu nhằm đưa máy móc, thiết bị, vật liệu, hàng hóa, lương thực, thực phẩm đến nơi an toàn.

- Tiến hành “tiêu thổ kháng chiến”, vận động, tổ chức nhân dân tản cư, nhanh chóng chuyển đất nước sang thời chiến.

- Sau khi việc di chuyển hoàn thành, Nhà nước bắt tay xây dựng lực lượng về mọi mặt để bước vào cuộc chiến đấu lâu dài:

- Về chính trị: Chia nước ta thành 12 Khu hành chính và quân sự, từ Khu 1 đến Khu 12, sau này hợp lại thành các Liên khu.

- Về quân sự:

+ Mọi người dân từ 18 đến 45 tuổi đều tham gia dân quân, và từ dân quân được tuyển chọn vào du kích, rồi bộ đội địa phương hoặc bộ đội chủ lực.

+ Vũ khí vừa tự tạo, vừa lấy của địch để tự trang bị.

- Về kinh tế:

+ Ban hành các chính sách duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực, theo khẩu hiệu “Thực túc binh cường", “Ăn no đánh thắng”.

+ Nha Tiếp tế được thành lập, làm nhiệm vụ thu mua, dự trữ và phân phối thóc gạo, muối, vải bảo đảm nhu cầu về ăn mặc cho lực lượng vũ trang và nhân dân ở hậu phương.

- Về giáo dục: phong trào Bình dân học vụ tiếp tục duy trì và phát triển.

***3.1.2.3. Chiến đấu trên mặt trận quân sự***

Mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc, quân dân ta chủ động tiến công quân Pháp, bao vây, tiêu hao và giam chân lực lượng chúng ở Thủ đô Hà Nội, các thành phố và các thị xã, tạo thế trận đi vào cuộc chiến đấu lâu dài.

Hà Nội đã mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Cuộc chiến đấu đã diễn ra ác liệt giữa ta và địch ở sân bay Bạch Mai, khu Bắc Bộ Phủ, đầu cầu Long Biên, ga Hàng Cỏ, các phố Khâm Thiên, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Da, Hàng Trống...

Đến ngày 17 - 2 - 1947, Trung đoàn Thủ đô (đơn vị chính thức được thành lập trong quá trình chiến đấu) thực hiện cuộc rút quân khỏi vòng vây của địch, ra căn cứ an toàn.

Trong gần hai tháng (từ ngày 19 - 12 - 1946 đến ngày 17 - 2 - 1947), quân dân ta ở Hà Nội đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng nghìn tên địch, thủ và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, thực hiện được nhiệm vụ giam chân địch ở thành phố để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến, di chuyển kho hàng, công xưởng về chiến khu, bảo vệ an toàn cho Trung ương Đảng, Chính phủ trở lại căn cứ địa, lãnh đạo kháng chiến lâu dài.

Tại các thành phố Nam Định, Huế, Đà Nẵng..., quân dân ta chủ động tiến công, tại khỏi vòng chiến đấu một số lực lượng của chúng; bao vây, giam chân Pháp suốt trong hai, ba tháng chiến đấu, cuối cùng quân ta chủ động rút khỏi thành phố, lui về căn cứ, tổ chức cuộc chiến đấu lâu dài. Riêng thành phố Vinh, ngay từ đầu cuộc chiến đấu, quân dân ta đã buộc địch đầu hàng.

Phối hợp với cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16, quân dân ta ở các tỉnh phía nam (Nam Bộ và Nam Trung Bộ) đã đẩy mạnh chiến tranh du kích, chặn đánh địch trên các tuyến giao thông, phá cơ sở hậu cần của chúng.

\* Ý nghĩa của cuộc chiến đấu thắng lợi ở các đô thị:

- Tiêu hao sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh.

- Giam chân quân Pháp trong thành phố, tạo điều kiện cho cơ quan đầu não và bộ đội chủ lực của ta chuyển lên Việt Bắc an toàn.

- Tạo ra thế trận cho chiến tranh nhân dân, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài, toàn dân, toàn diện.

- Chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của Pháp bước đầu bị phá sản.

**Âm mưu và hành động của thực dân Pháp trong cuộc tiến công căn cứ địa Việt Bắc**

\* Âm mưu:

- Tiêu diệt cơ quan đầu não và bộ đội chủ lực của ta.

- Khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta với quốc tế.

- Thành lập chính phủ bù nhìn Bảo Đại, nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

\* Hành động:

- Tháng 3-1947, Chính phủ Pháp cử Bô-la-e làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương thay Đác-giăng-li-ơ.

- Bô-la-e lập ra Mặt trận quốc gia thống nhất, tiến tới thành lập một Chính phủ bù nhìn trung ương.

- Từ ngày 7-10-1947, Pháp huy động 12.000 quân tinh nhuệ gồm thuỷ quân, lục quân và không quân, chia làm 3 cánh tấn công lên Việt Bắc.

- Ngày 7 - 10 - 1947, một binh đoàn dù đổ quân xuống chiếm thị xã Bắc Kạn và chiếm thị trấn Chợ Mới, Chợ Đồn.

- Cùng ngày, một binh đoàn lính bộ từ Lạng Sơn đánh lên Cao Bằng. Từ Cao Bằng, một cánh quân khác đánh xuống Bắc Kạn, tạo thành gọng kìm bao vây phía đông và phía bắc căn cứ địa Việt Bắc.

- Ngày 9-10-1947, một binh đoàn hỗn hợp lính bộ và lính thủy đánh bộ ngược sông Hồng, sông Lô và sông Gâm lên thị xã Tuyên Quang, Chiêm Hóa, Đài Thị, bao vây phía tây căn cứ địa Việt Bắc.

**Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947 của quân dân ta**

Về phía ta:

- Chủ trương của Đảng: Đảng ta chỉ thị "Phải phá tan cuộc hành quân mùa đông của Pháp".

- Ở Bắc Kạn:

+ Tiến hành bao vây, chia cắt, cô lập, tập kích những nơi địch chiếm đóng; phục kích trên đường từ Bắc Kạn đi Chợ Mới, Chợ Đồn.

+ Bí mật, khẩn trương di chuyển cơ quan Trung ương Đảng, Chính phủ, công xưởng, kho tàng về nơi an toàn.

- Ở hướng Đông: chặn đánh địch trên đường số 4, tiêu biểu trận phục kích trên đường Bản Sao - đèo Bông Lau (30-10-1947).

- Ở hướng Tây:

+ Ta phục kích chặn đánh địch nhiều trận trên sông Lô.

+ Cuối tháng 10 -1947, 5 tàu chiến địch có máy bay hộ tống từ Tuyên Quang đi Đoan Hùng lọt vào trận địa phục kích của ta tại Đoan Hùng.

+ Đầu tháng 11 - 1947, 2 tàu chiến và 1 ca nô địch từ Chiêm Hóa về thị xã Tuyên Quang đã lọt vào trận địa phục kích của ta tại Khe Lau, ngã ba sông Lô và sông Gâm.

- Phối hợp với cuộc chiến đấu ở Việt Bắc, quân dân ta trên các chiến trường toàn quốc hoạt động mạnh, góp phần kiềm chế quân địch.

Ngày 19/12/1947, đại bộ phận quân Pháp buộc phải rút chạy khỏi Việt Bắc.

**Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện**

Sau thất bại ở Việt Bắc, thực dân Pháp tăng cường thực hiện chính sách ***“dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”*** nhằm chống lại cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện của ta.

Về phía ta, thực hiện phương châm chiến lược “đánh lâu dài”, phá âm mưu mới của địch. Đảng và Chính phủ chủ trương tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chính quyền dân chủ nhân dân từ trung ương đến cơ sở, tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân, đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Về quân sự, ta chủ trương động viên nhân dân thực hiện vũ trang toàn dân, phát triển chiến tranh du kích.

Về chính trị và ngoại giao, năm 1948, tại Nam Bộ, lần đầu tiên ta tiến hành bầu cử Hội đồng Nhân dân cấp xã đến cấp tỉnh, ở nhiều nơi, Hội đồng Nhân dân và ủy ban Kháng chiến hành chính các cấp được củng cố và kiện toàn.

Tháng 6 - 1949, Việt Minh và Hội Liên Việt quyết định tiến tới thống nhất hai tổ chức từ cơ sở đến trung ương.

Ngày 14 - 1 - 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với bất cứ nước lao tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Sau lời tuyên bố đó, chính phủ nhiều nước chính thức công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với ta: đầu tiên là Trung Quốc, tiếp đó là Liên Xô, rồi lần lượt các nước dân chủ nhân dân khác.

Về kinh tế, ta chủ trương vừa ra sức phá hoại kinh tế địch, vừa đẩy mạnh xây dựng và bảo vệ nền kinh tế dân chủ nhân dân có khả năng tự cấp tự túc.

Về văn hóa, giáo dục, tháng 7 - 1950, Chính phủ đề ra chủ trương cải cách giáo dục phổ thông, thay hệ thống giáo dục 12 năm bằng hệ thống giáo dục 9 năm, hướng giáo dục phục vụ kháng chiến và kiến quốc, đặt nền móng cho nền giáo dục dân tộc dân chủ nhân dân.

\* Ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947:

- Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của ta giành được thắng lợi trong kháng chiến chống Pháp.

- Căn cứ Việt Bắc vẫn được giữ vững, bộ đội chủ lực ngày càng trưởng thành.

- Chiến thắng này đã chứng minh sự đúng đắn về đường lối kháng chiến lâu dài của Đảng.

- Làm thất bại âm mưu “Đánh nhanh thắng nhanh” buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.

- Sau chiến thắng Việt Bắc, ta có thêm điều kiện để xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến toàn quốc, toàn dân, toàn diện, trường Kỳ, tự lực cánh sinh.

- Chứng minh sự đúng đắn trong đường lối kháng chiến của Đảng, sự vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

- Chứng tỏ rằng lực lượng của ta ngày càng hùng mạnh, lực lượng của địch ngày càng suy yếu, cuộc chiến thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta.

- Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

**Chiến dịch Biên giới thu-đông năm 1950**

Hoàn cảnh lịch sử mới

Sau chiến dich Việt Bắc thu - đông 1947 vã Cách mạng Trung Quốc thắng lợi (1 - 10 - 1949), tình hình Đông Dương và thế giới thay đổi có lợi cho cuộc kháng chiến của ta, không lợi cho thực dân Pháp. Bị thất bại trên khắp các chiến trường Việt Nam và Đông Dương nên thực dân Pháp ngày càng lệ thuộc vào đế quốc Mỹ. Lợi dụng tình hình đó, Mỹ can thiệp sâu và “dính líu” trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

Quân ta tiến công địch ở biên giới phía Bắc

Với viện trợ về tài chính và quân sự của Mỹ, thực dân Pháp đã thực hiện ***“Kế hoạch Rơ-ve”*** nhằm “khoá cửa biên giới Việt - Trung” bằng cách tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4 và “cô lập căn cứ địa Việt Bắc” với đồng bằng Liên khu III và Liên khu IV, thiết lập “Hành lang Đông - Tây” (Hải Phòng - Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La). Trên cơ sở đó, chúng chuẩn bị một kế hoạch có quy mô lớn nhằm tiến công căn cứ địa Việt Bắc lần thứ hai.

Để phá vỡ âm mưu đó, tháng 6 - 1950 Trung ương Đảng và Chính phủ ta quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng địch, khai thông con đường liên lạc quốc tế giữa nước ta và Trung Quốc với các nước dân chủ trên thế giới, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, tạo điều kiện đẩy mạnh công cuộc kháng chiến.

Sáng 18-9-1950, với lực lượng áp đảo, quân ta tiêu diệt Đông Khê, uy hiếp Thất Khê, thị xã Cao Bằng bị cô lập; hệ thống phòng ngự của địch trên Đường số 4 bị lung lay.

Quân Pháp ở Cao Bằng được lệnh rút theo Đường số 4, đồng thời lực lượng của chúng ở Thất Khê cũng được lệnh tiến đánh Đông Khê để đón cánh quân từ Cao Bằng xuống, rồi cùng rút về xuôi.

Đoán trước ý định của địch, quân ta mai phục chặn đánh quân Pháp trên Đường số 4, làm hai cánh quân ở Cao Bằng và Thất Khê của chúng bị thiệt hại nặng, khiến chúng không thể liên lạc được với nhau. Đến lượt Thất Khê bị uy hiếp, quân Pháp buộc phải rút về Na Sầm, rồi Lạng Sơn và đến ngày 22-10-1950 thì rút khỏi Đường số 4.

Phối hợp với mặt trận Biên giới, quân ta hoạt động mạnh ở tả ngạn sông Hồng, ở Tây Bắc và trên Đường số 6, buộc Pháp phải rút khỏi thị xã Hòa Bình. Phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở Bình - Trị - Thiên, Liên khu V và Nam Bộ.

Sau hơn một tháng chiến đấu trên mặt trận Biên giới (từ ngày 16-9 đến 22 - 10 - 1950), quân dân ta đã giải phóng vùng biên giới Việt - Trung, từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân. “Hành lang Đông - Tây” bị chọc thủng ở Hoà Bình. Thế bao vây cả trong lẫn ngoài của địch đối với căn cứ địa Việt Bắc bị phá vỡ. Kế hoạch Rơ-ve của Pháp bị phá sản.

**3.1.3. Cuộc kháng chiến phát triển mạnh mẽ và kết thúc thắng lợi (1951 - 1954)**

***3.1.3.1. Thực dân Pháp và can thiệp Mỹ kéo dài chiến tranh xâm lược Đông Dương***

**Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp**

Sau thất bại trong chiến dịch Biên giới, thực dân Pháp thực hiện âm mưu giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất. Đế quốc Mỹ tăng cường viện trợ để Pháp đẩy mạnh chiến tranh.

***“Hiệp định phòng thủ chung Đông Dương”*** ngày 23 - 12 - 1950 là hiệp định viện trợ quân sự, kinh tế - tài chính của Mỹ cho Pháp và bù nhìn, qua đó Mỹ buộc Pháp lệ thuộc vào mình, từng bước thay chân Pháp ở Đông Dương.

Dựa vào viện trợ ngày càng tăng của Mỹ, thực dân Pháp đẩy mạnh hơn nữa chiến tranh xâm lược Đông Dương. Kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi được đề ra tháng 12 - 1950 nhằm thực hiện âm mưu đó. Đây là kế hoạch của địch nhằm gấp rút xây dựng lực lượng, bình định vùng tạm chiếm, kết hợp với phản công và tiến công lực lượng cách mạng.

***3.1.3.2. Sự lớn mạnh của nền dân chủ cộng hòa***

**Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (2-1951)**

Để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi, tháng 2 - 1951 Đảng Cộng sản Đông Dương họp Đại hội đại biểu lần thứ II tại Chiêm Hoá - Tuyên Quang.

Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và báo cáo Bàn về cách mạng Việt Nam của Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày trước Đại hội đã tổng kết kinh nghiệm mấy chục năm vận động cách mạng của Đảng, nêu rõ những nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, đồng thời vạch rõ tiền đồ của cách mạng Việt Nam.

Báo cáo chính trị nêu nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam là: Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới”.

Bàn về cách mạng Việt Nam nêu rõ nhiệm vụ chống phong kiến phải được thực hiện đồng thời với nhiệm vụ chống đế quốc, nhưng làm từng bước, có kế hoạch để vừa bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, vừa giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân kháng chiến.

Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam - Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Đối với Lào và Cam-pu-chia, Đại hội chủ trương xây dựng ở mỗi nước một đảng riêng, phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi nước để lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị của Đảng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Đại hội lần thứ II là mốc đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng, có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi.

**Phát triển hậu phương kháng chiến về mọi mặt**

Về chính trị, ngày 3-3-1951, Việt Minh và Hội Liên Việt họp Đại hội I, đại biểu đã quyết định thống nhất hai tổ chức thành một mặt trận duy nhất là Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt). Đảng Lao đông Việt Nam chính thức ra mắt trước đại biểu nhân dân tham dự Đại hội.

Ngày 11 - 3 - 1951, Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Khơ-me và Mặt trận Lào đại diện cho nhân dân ba nước họp Hội nghị đại biểu, thành lập “Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.

Trên mặt trận kinh tế, năm 1952, Đảng và Chính phủ đề ra cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, đã lôi cuốn mọi nguời, mọi ngành, mọi giới tham gia.

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, Đảng và Chính phủ đề ra nhiều chính sách nhằm chấn chỉnh chế độ thuế khoá, xây dựng nền tài chính, ngân hàng và thương nghiệp.

Để bồi dưỡng sức dân, trước hết là nông dân, đầu năm 1953 Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô và cải cách ruộng đất. Tháng 12 - 1953, Kỳ họp thứ ba Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua “Luật cải cách ruộng đất” và quyết định tiến hành cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

Từ tháng 4 - 1953 đến tháng 7 - 1954, ta thực hiện tất cả 5 đợt giảm tô và đợt cải cách ruộng đất ở một số xã thuộc vùng tự do.

Đến cuối năm 1953, tính từ Liên khu IV trở ra, cách mạng đã tạm cấp hơn 18 vạn hécta ruộng đất của thực dân, địa chủ, ruộng đất vắng chủ và ruộng đất bỏ hoang cho nông dân.

Về văn hoá, giáo dục: Cải cách giáo dục đề ra từ tháng 7 - 1950 được tiếp tục thực hiện theo ba phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ sản xuất, phục vụ dân sinh.

Số người đi học và học sinh phổ thông năm 1954 đều tăng so với năm 1950: cấp I tăng 130%, cấp II và III - tăng 300%. Năm 1954, số sinh viên đại học và trung học chuyên nghiệp là 4247 người. Từ năm 1951 đến năm 1953, ta đào tạo được 7000 cán bộ kĩ thuật; đến năm 1954, ta có 3400 học sinh được gửi đi học nước ngoài.

Phong trào thi đua yêu nước ngày càng ăn sâu và lan rộng trong nhiều đơn vị, cá nhân ưu tú. Ngày 1 - 5 - 1952, Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ I với 154 cán bộ và chiến sĩ tiêu biểu cho các ngành được khai mạc tai căn cứ địa Việt Bắc. Đại hội tổng kết, biểu dương thành tích của phong trào thi đua yêu nước và chọn được 7 anh hùng.

***3.1.3.3. Đấu tranh quân sự và ngoại giao (1951 - 1954)***

**Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường**

Sau chiến thắng Biên giới thu - đông 1950, quân ta liên tiếp mở những chiến dịch tiến công vào phòng tuyến của địch ở chiến trường vùng rừng núi, trung du và đồng bằng, nhằm phá âm mưu đẩy mạnh chiến tranh của Pháp - Mỹ, giữ vững quyền chủ động đánh địch.

\* Trên chiến trường trung du và đồng bằng, trong đông - xuân 1950 - 1951, quân ta mở ba chiến dịch:

- Chiến dịch Trung du (Trần Hưng Đạo) đánh địch ở Vĩnh Yên, Phúc Yên;

- Chiến dịch Đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) đánh địch trên Đuờng số 18 từ Phả Lại đi Uông Bí;

- Chiến dịch Hà - Nam - Ninh (Quang Trung) đánh địch ở Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.

Trong ba chiến dịch, quân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 vạn tên địch, tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của chúng.

\* Kế hoạch Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi:

- Từ ngày 9 đến ngày 14 -11 - 1951, Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi tập trung 20 tiểu đoàn bộ binh, có pháo binh, cơ giới, máy bay phối hợp đánh chiếm Hòa Bình, nhằm giành lại quyền chủ động đã mất trên chiến trường Bắc Bộ, nối lại “Hành lang Đông - Tây”, chia cắt căn cứ địa Việt Bắc với Liên khu III và Liên khu IV.

- Ngày 10-11-1951, Pháp cho quân nhảy dù xuống Xuân Mai, Chợ Bến (Hoà Bình), hai cánh quân thủy và bộ có máy bay yểm trợ, theo sông Đà và Đường số 6 tiến vào thị xã Hoà Bình.

- Thực dân Pháp tập trung lực lượng đánh Hòa Bình, nên chúng phải rút bớt quân ở đồng bằng, đó là cơ hội tốt đế ta đánh địch.

\* Về phía ta:

- Ta vừa cho quân bao vây, truy kích tiêu diệt địch trên mặt trận Hoà Bình, vừa đẩy mạnh hoạt động chống phá kế hoạch bình định đồng bằng Bắc Bộ của chúng, thúc đẩy phong trào chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, buộc chúng phải rút khỏi Hoà Bình, kết thúc chiến dịch vào ngày 23 - 2 - 1952.

\* Chiến dịch Tây Bắc:

- Với phương châm “đánh chắc thắng” và phương hướng chiến lược “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu”, bộ đội ta chuyển hướng tiến công địch trên chiến trường rừng núi. Ta mở chiến dịch Tây Bắc nhằm tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng đất đai và nhân dân, mở rộng căn cứ địa kháng chiến, phát triển chiến tranh du kích.

- Diễn biến:

+ Mở đầu chiến dịch, ngày 14 - 10 - 1952 quân ta tiến công địch ở Nghĩa Lộ; tiếp đó đánh vào Lai Châu, Sơn La và Yên Bái.

+ Sau hơn hai tháng chiến đấu (từ giữa tháng 10 đến cuối tháng 12 - 1952), ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Nghĩa Lộ, hầu hết tỉnh Sơn La (trừ Nà Sản), bốn huyện thuộc Lai Châu, hai huyện thuộc Yên Bái, với 25 vạn dân, phá âm mưu lập “xứ Thái tự trị” của địch.

\* Chiến dịch Thượng Lào:

+ Đầu năm 1953, Trung ương Đảng và Chính phủ ta cùng với Chính phủ kháng chiến Lào và Mặt trận Ít-xa-la của Lào thỏa thuận mở chiến dịch Thượng Lào, nhằm tiêu diệt lực lượng địch, giải phóng đất đai và nhân dân, mở rộng căn cứ du kích, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào. Ngày 8 - 4 - 1953, chiến dịch bắt đầu.

Sau gần 1 tháng chiến đấu, liên quân Việt - Lào giải phóng toàn tỉnh Sầm Nưa, một phần tỉnh Xiêng Khoảng và tỉnh Phong Xa-lì với 30 vạn dân. Căn cứ kháng chiến ở Thượng Lào được mở rộng, nối liền với Tây Bắc Việt Nam, tạo thế mới để uy hiếp địch.

**Kế hoạch Na-va của Pháp-Mỹ**

Ngày 7-5-1953, tướng Na-va được cử sang làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, vạch ra kế hoạch quân sự nhằm xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương, với hi vọng trong 18 tháng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”. Kế hoạch Na-va được thực hiện theo hai bước:

Bước một: Trong thu - đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược trên chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược để “bình định’' miền Trung và miền Nam Đông Dương.

Bước hai: Từ thu - đông 1954, chuyển lực lượng ra chiến trường miền Bắc, thực hiện tiến công chiến lược, giành thắng lợi quân sự quyết định, “kết thúc chiến tranh”.

Thực hiện Kế hoạch Na-va, thực dân Pháp xin Mỹ tăng thêm viện trợ quân sự (gấp hai lần so với trước, chiếm tới 73% chi phí chiến tranh ở Đông Dương), tăng thêm ở Đông Dương 12 tiểu đoàn bộ binh, tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ một lực lượng cơ động mạnh gồm 44 tiểu đoàn (trong tổng số 84 tiểu đoàn trên toàn Đông Dương), ra sức tăng cường ngụy quân.

**Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954**

Tháng 9 - 1953, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp đề ra kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953 - 1954 với quyết tâm giữ vững quyền chủ động đánh địch trên cả hai mặt trận - chính diện và sau lưng địch.

Phương hướng chiến lược của ta là tập trung lực lượng mà những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, tạo cho ta những điều kiện thuận lợi để tiêu diệt thêm sinh lực của chúng. Phương châm chiến lược của ta là: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”, “đánh ăn chắc, đánh chắc thắng”.

Thực hiện phương hướng chiến lược trên, trong cuộc tiến công Đông - Xuân 1953 - 1954, quân ta mở một loạt chiến dịch tiến công địch trên nhiều hướng, ở hầu khắp các chiến trường Đông Dương.

Ngày 20 - 11 - 1953, phát hiện bộ đội chủ lực ta di chuyển lên Tây Bắc, Na-va cho 6 tiểu đoàn Âu - Phi nhảy dù xuống Điện Biên Phủ.

Đầu tháng 12 - 1953, bộ đội chủ lực ta ở Tây Bắc tổ chức một bộ phận bao vây, uy hiếp địch ở Điện Biên Phú; bộ phận còn lại mở cuộc tiến công địch, giải phóng toàn tỉnh Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ). Na-va buộc phải đưa 6 tiểu đoàn cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ lên tăng cường. Như vậy, sau đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ trở thành nơi tập trung quân thứ hai của địch.

Cũng vào đầu tháng 12 - 1953, liên quân Việt - Lào mở cuộc tiến công địch ở Trung Lào, giải phóng toàn tỉnh Thà Khẹt, đồng thời bao vây, uy hiếp Xê-nô. Na-va tăng cường lực lượng cho Xê-nô và Xê-nô trở thành nơi tập trung quân thứ ba của địch.

Cuối tháng 1 - 1954, để đánh lạc hướng phán đoán của địch, tạo điều kiện đẩy mạnh công tác chuẩn bị cho chiến dịch Điện Biên Phủ, quân ta phối hợp với quân Pa-thét Lào mở cuộc tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng toàn tỉnh Phong Xa-lì, mở rộng vùng giải phóng Lào. Lo sợ Liên quân Việt - Lào thừa thắng đánh Luông Pha-bang, Na-va cho tăng cường lực lượng để Luông Pha-bang trở thành nơi tập trung quân thứ tư của địch.

Ngày 20 - 1 - 1954, Na-va tập trung 20 tiểu đoàn bộ binh mở chiến dịch Át-lăng đánh chiếm Tuy Hòa (Phú Yên), mở rộng đánh chiếm vùng tự do Liên khu V của ta.

Giữ vững quyền chủ động đánh địch, đầu tháng 2 - 1954, quân ta mở cuộc tiến công địch ở Bắc Tây Nguyên, giải phóng toàn tỉnh Kon Tum, đồng thời bao vây uy hiếp Plây-ku. Na-va buộc phải bỏ dở cuộc tiến công Tuy Hòa để tăng cường lực lượng cho Plây-ku và Plây-ku trở thành nơi tập trung quân thứ năm của địch.

Phối hợp chặt chẽ với mặt trận chính diện, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở vùng sau lưng địch. Bộ đội ta ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Binh - Trị - Thiên, đồng bằng Bắc Bộ cùng đẩy mạnh hoạt động đánh địch.

Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 của ta đã làm phá sản bước đầu Kế hoạch Na-va của Pháp - Mỹ, buộc quân chủ lực của chúng phải bị động, phân tán và bị giam chân ở miền rừng núi.

**Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954)**

Điện Biên Phủ là một thung lũng rộng lớn nhất ở phía tây vùng rừng núi Tây Bắc, gần biên giới với Lào, có vị trí chiến lược quan trọng.

Nava tập trung mọi cố gắng để xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Tổng số binh lực địch ở đây lúc cao nhất có tới 16200 quân, được bố trí thành ba phân khu: phân khu Bắc gồm các cứ điểm Độc Lập, Bản Kéo; phân khu Trung tâm ở ngay giữa Mường Thanh, nơi đặt sở chỉ huy, có trận địa pháo, kho hậu cần, sân bay, tập trung 2/3 lực lượng; phân khu Nam đặt tại Hồng Cúm, có trận địa pháo, sân bay. Tổng cộng cả ba phân khu có 49 cứ điểm.

Na-va và nhiều nhà quân sự Pháp - Mỹ đánh giá Điện Biên Phủ là "pháo đài bất khả xâm phạm”, và từ ngày 3 -12 -1953, chúng quyết định giao chiến với quân ta tại Điện Biên Phủ.

Đầu tháng 12-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp, thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng tư lệnh và quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Mục tiêu của chiến dịch là tiêu diệt lực lượng địch ở đây, giải phóng vùng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

Ta đã huy động một lực lượng lớn chuẩn bị cho chiến dịch, gồm 4 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn pháo binh và nhiều tiểu đoàn công binh, thông tin, vận tải, quân y, ... với tổng số khoảng 55 000 quân; hàng chục nghìn tấn vũ khí, đạn dược, 27000 tấn gạo với 628 ô tô vận tải, 11800 thuyền bè, 21000 xe đạp, hàng nghìn xe ngựa, trâu, bò ..v..v.. chuyển ra mặt trận.

Dự kiến, ngày 25-1-1954, quân ta sẽ bắt đầu nổ súng tấn công quân Pháp ở Điện Biên Phủ.

Tuy nhiên trận đánh đã không diễn ra như dự kiến. Ngày 26 tháng 1, tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp quyết định thay đổi hoàn toàn phương án tác chiến từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Các đơn vị pháo binh nhận lệnh phối hợp với các đơn vị bộ binh kéo pháo trở ra, để công binh sửa sang lại đường kéo pháo và xây dựng các hầm chứa pháo kiên cố bằng cách khoét sâu vào lòng núi và ngụy trang chu đáo, để tránh bớt hỏa lực của pháo binh Pháp và giảm bớt thương vong cho bộ đội. Trên đường kéo pháo ra, một khẩu pháo cao xạ 37 ly bị đứt một bên dây tời và dần dần trôi xuống dốc. Anh hùng Tô Vĩnh Diện đã dũng cảm ghì người vào càng pháo phía ngoài, lấy một chân đạp vào một gốc cây, cố gắng đẩy hướng càng pháo đâm vào vách núi. Tuy cản được pháo lăn xuống vực, nhưng anh cũng bị bánh xe của khẩu pháo nặng hơn 2 tấn đè lên người trọng thương và đã anh dũng hi sinh.

Ngày 15-3-1954, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện khen ngợi, động viên cán bộ, chiến sĩ ngoài mặt trận. Bức điện có đoạn viết: “Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và ý nghĩa chính trị quan trọng”.

Chiến dịch bắt đầu từ ngày 13 - 3 - 1954 đến hết ngày 7 - 5 - 1954 và được chia làm 3 đợt:

- Đợt 1, từ ngày 13-3 đến ngày 17-03-1954: quân ta tiến công tiêu diệt cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc. Kết quả, ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 2000 tên địch. Bọn địch ở Bản Kéo ra hàng. Anh hùng Phan Đình Giót đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai, giúp bộ đội ta dập tắt một hỏa điểm của địch ở cứ điểm Him Lam.

- Đợt 2, từ ngày 30-3 đến ngày 26-4-1954: quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm như E1, D1, C1, C2, A1,... Ta chiếm phần lớn các cứ điểm của địch, tạo thêm điều kiện để bao vây, chia cắt, khống chế địch. Sau đợt này, Mĩ khẩn cấp viện trợ cho Pháp và đe dọa ném bom nguyên tử xuống Điện Biên Phủ. Ta kịp thời khắc phục khó khăn về tiếp tế, nâng cao quyết tâm giành thắng lợi.

\* Đợt 3, từ ngày 1-5 đến ngày 7-5-1954: quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam, lần lượt tiêu diệt các cứ điểm đề kháng còn lại của địch. Chiều 7-5, quân ta đánh vào Sở chỉ huy địch. 17 giờ 30 phút ngày 7-5-1954, tướng Đờ Caxtơri cùng toàn bộ Ban tham mưu của địch đầu hàng và bị bắt sống.

Anh hùng Trần Can đã chỉ huy bộ đội chống quân Pháp phản kích, giữ vững trận địa để tạo lợi thế cho bộ đội ta tiến vào trung tâm Mường Thanh. Anh đã anh dũng hi sinh vào sáng 7-5-1954.

Trong cùng thời gian, trên các chiến trường toàn quốc, quân ta đẩy mạnh chiến đấu tiêu diệt, giam chân, phân tán lực lượng địch, tạo điều kiện cho chiến dịch Điện Biên Phủ giành toàn thắng.

Ở Bắc Bộ, bộ đội Hà Nội đột nhập sân bay Gia Lâm, phá hủy 18 máy bay. Các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân du kích làm tê liệt Đường số 5, tiêu diệt nhiều đồn bốt vùng sau lưng địch. Phần lớn đồng bằng Bắc Bộ được giải phóng.

Ở Trung Bộ, quân dân liên khu V chặn đứng đợt tiến công Át-tăng lần thứ hai, diệt gần 5000 tên địch. Bộ đội Tây Nguyên đánh mạnh trên các Đường số 19 và tập kích lần thứ hai vào thị xã Plâyku, diệt nhiều tên địch.

Ở Nam Bộ, kết hợp với các cuộc tiến công của bộ đội, nhân dân nổi dậy vừa uy hiếp, vừa làm công tác binh vận, đã bức rút hoặc diệt hàng nghìn đồn bốt, tháp canh của địch. Tại Sài Gòn và các đô thị, phong trào đấu tranh chính trị đòi hòa bình, cải thiện dân sinh và chiến tranh du kích dấy lên mạnh mẽ.

Trong toàn bộ cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954, mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ, quân ta đã giải phóng nhiều vùng đông dân ở các đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ.

Riêng tại mặt trận Điện Biên Phủ, sau 55 ngày đêm chiến đấu, quân ta tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 tên địch (có 1 thiếu tướng), phá hủy và tịch thu toàn bộ phương tiện chiến tranh, bắn rơi và bắn cháy 62 máy bay các loại.

**Chiến thắng Điện Biên Phủ đã quyết định việc chấm dứt chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương**, vì:

- Chiến thắng Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

- Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo thuận lợi cơ bản cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta.

- Buộc Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

**Nội dung cơ bản của Hiệp định Giơ-ne-vơ**

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của các nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

- Các bên tham chiến ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

- Các bên tham chiến thực hiện tập kết, chuyển quân theo khu vực và thời gian quy định.

- Việt Nam sẽ thống nhất bằng một cuộc tuyển cử tự do vào tháng 7-1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban quốc tế.

\* Ý nghĩa:

- Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế, ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

- Hiệp định Giơ-ne-vơ đã đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chống Pháp của nhân dân ta. Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước.

- Hiệp định Giơ-ne-vơ làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương; miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn xây dựng xã hội chủ nghĩa.

**Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)**

\* Ý nghĩa lịch sử:

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã chấm dứt ách thống trị gần một thế kỉ của thực dân Pháp.

- Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chúng.

- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

\* Nguyên nhân thắng lợi:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.

+ Có sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự và đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

+ Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có Mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng.

+ Lực lượng vũ trang ba thứ quân sớm được xây dựng và không ngừng lớn mạnh, hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

**3.2. Việt Nam từ 1954 đến 1975**

**3.2.1. Xây dựng miền Bắc và đấu tranh cách mạng chống Mỹ-Diệm ở miền Nam (1954 - 1960)**

***3.2.1.1. Miền Bắc xây dựng kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954 - 1960)***

**Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 - 1960)**

***Hoàn thành cải cách ruộng đất***

Qua 5 đợt cải cách ruộng đất (tiến hành từ cuối năm 1953 đến năm 1956), có khoảng 81 vạn hécta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ lấy từ tay giai cấp địa chủ chia cho hơn 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu “Người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực. Giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ. Giai cấp nông dân được giải phóng, trở thành người chủ ở nông thôn.

Trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất, chúng ta đã phạm một số sai lầm như đấu tố cả những địa chủ kháng chiến, những người thuộc tầng lớp tư sản có công với cách mạng; quy kết nhầm một số nông dân, cán bộ, bộ đội, đảng viên thành địa chủ.

Sai lầm trong cải cách ruộng đất được Đảng và Chính phủ phát hiện và có chủ trương, biện pháp sửa sai ngay khi kết thúc cái cách. Nhờ đó mà hậu quả được hạn chế và ý nghĩa của cải cách vẫn hết sức to lớn.

Sau cải cách ruộng đất, bộ mặt nông thôn miền Bắc đã thay đổi cơ bản, giai cấp địa chủ phong kiến bị đánh đổ, khối công nông liên minh được củng cố. Thắng lợi của cải cách ruộng đất góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

***Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh***

Về nông nghiệp, nông dân hăng hái khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, cày cấy hết ruộng đất vắng chủ, tăng thêm đàn trâu bò, sắm thêm nông cụ. Nhiều đập nước (như Bái Thượng ở Thanh Hóa , Đô Lương ở Nghệ An. Thác Huống ở Thái Nguyên...), nhiều đê điều bị địch phá được sửa chữa. Đến cuối năm 1957, sản lượng nông nghiệp tăng vượt mức trước Chiến tranh thế giới thứ hai, nạn đói có tính chất kinh niên được giải quyết về cơ bản.

Về công nghiệp, giai cấp công nhân với tinh thần dựa vào sức mình là chính đã nhanh chóng khôi phục và mở rộng hầu hết các cơ sở công nghiệp quan trọng như mỏ than Hòn Gai, nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy điện Hà Nội...; xây dựng thêm nhiều nhà máy như nhà máy cơ khí Hà Nội, diêm Thống Nhất, gỗ Cầu Đuống, thuốc lá Thăng Long, cá hộp Hải Phòng, chè Phú Thọ... Đến cuối năm 1957, miền Bắc có tất cả 97 nhà máy, xí nghiệp do Nhà nước quản lí.

Về tiểu thủ công nghiệp, có nhiều mặt hàng tiêu dùng được sản xuất (các sản phẩm gốm, sành sứ, mây tre, đan lát…) , bảo đảm nhu cầu tối thiểu của đời sống nhân dân, giải quyết một phần việc làm cho người lao động. Đến cuối năm 1957, số thợ thủ công miền Bắc tăng gấp hai lần so với trước Chiến tranh thế giới thứ hai.

Về thương nghiệp, hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán được mở rộng, đã cung cấp ngày càng nhiều mặt hàng cho nhân dân; giao lưu hàng hóa giữa các địa phương ngày càng phát triển; hoạt động ngoại thương dần dần tập trung vào tay Nhà nước. Đến cuối năm 1957, miền Bắc đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

Về giao thông vận tải, gần 700 km đường sắt bị phá được khôi phục; sửa chữa và làm mới hàng nghìn km đường ô tô; xây dựng lại và mở rộng thêm nhiều bến cảng như Hải Phòng, Hòn Gai, Cẩm Phả, Bến Thủy. Đường hàng không dân dụng quốc tế được khai thông.

***Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế- văn hóa (1958 - 1960)***

Trong ba năm tiếp theo (1958 - 1960), miền Bắc tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh nhằm vận động những nông dân cá thể, những thợ thủ công, những thương nhân và nhà tư sản tham gia lao động tập thể trong các hợp tác xã, quốc doanh hoặc công tư hợp doanh. Khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp.

Kết quả cải tạo là xóa bỏ chế độ người bóc lột người, có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, nhất là trong điều kiện chiến tranh. Hợp tác xã đã bảo đảm đời sống cho nhân dân lao động, tạo điều kiện vật chất, tinh thần cho những người ra đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trong cải tạo, chúng ta đã phạm một số sai lầm như đã đồng nhất cải tạo với xóa bỏ tư hữu và các thành phần kinh tế cá thể; thực hiện sai các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, công bằng, dân chủ, cùng có lợi. Do đó, hợp tác xã đã không phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của xã viên trong sản xuất.

Đồng thời với cải tạo, miền Bắc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa. Trong phát triển kinh tế, trọng tâm là phát triển thành phần kinh tế quốc doanh. Miền Bắc đạt được thành tựu đáng kể như đã xây dựng thêm nhiều nhà máy, xí nghiệp, nông trường. Nhà máy gang thép Thái Nguyên là cơ sở luyện kim đầu tiên ở miền Bắc được xây dựng trong thời kỳ này. Đến cuối năm 1960, miền Bắc có 172 cơ sở công nghiệp lớn do Trung ương quản lý và 500 cơ sở do địa phương quản lý.

Những tiến bộ về mặt kinh tế đã tạo điều kiện cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế phát triển. Đến cuối năm 1960, miền Bắc đã căn bản xóa xong nạn mù chữ ở miền xuôi cho những người dưới 50 tuổi. Hệ thống giáo dục phổ thông được hoàn chỉnh và mở rộng với số học sinh tăng 80% so với năm 1957. Miền Bắc có tất cả 9 trường đại học với hơn 11 000 sinh viên (gấp hai lần so với năm 1957). Cơ sở y tế tăng hơn 11 lần so với năm 1955.

***3.2.1.2. Đấu tranh chống Mỹ-Diệm ở miền Nam***

**Tình hình nước ta sau hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương**

Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương được kí kết đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp đối với ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia.

Theo Hiệp định, quân đội hai bên phải ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực. Những điều khoản này sẽ được hai bên thực hiện trong thời gian 300 ngày: Pháp rút khỏi Hà Nội ngày 10 - 10 - 1954, rút khỏi miền Bắc giữa tháng 5 - 1955.

Nhưng hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam và Bắc để tổ chức Tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước chưa được tiến hành.

Pháp rút khỏi miền Nam, Mỹ liền nhảy vào và đưa bọn tay sai (đứng đầu là Ngô Đình Diệm) lên nắm chính quyền ở miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam làm hai miền, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

**Đấu tranh chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1959)**

Ngay từ năm 1954, nhận rõ đế quốc Mỹ là trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương và đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương, Trung ương Đảng đã đề ra cho cách mạng miền Nam nhiệm vụ chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp trước đó sang đấu tranh chính trị chống Mỹ - Diệm, đòi chúng thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954, bảo vệ hòa bình, gìn giữ và phát triển lực lượng cách mạng.

Mở đầu là “Phong trào hòa bình” ở Sài Gòn - Chợ Lớn vào tháng 8-1954 của tri thức và các tầng lớp nhân dân. Phong trào ra đời với Bản hiệu triệu hoan nghênh Hiệp định Giơ-ne-vơ, ủng hộ hiệp thương tổng tuyển cử, được sự hưởng ứng rộng rãi của các tầng lớp nhân dân. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn và trên khắp miền Nam, những “ủy ban bảo vệ hòa bình” được thành lập và hoạt động công khai.

Tháng 11 – 1954, Mỹ - Diệm điên cuồng tiến hành khủng bố, đàn áp, cho tay sai lùng bắt các nhà lãnh đạo phong trào. Nhưng phong trào đấu tranh vì mục tiêu hòa bình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục dâng cao, lan rộng tới các thành phố lớn như Huế, Đà Nẵng... và cả các vùng nông thôn. Phong trào đã lôi cuốn hàng triệu người tham gia, gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái giáo phái, các dân tộc ít người... hình thành nên mặt trận chống Mỹ - Diệm.

Mục tiêu phong trào được mở rộng, hình thức đấu tranh có những thay đổi từ năm 1958 - 1959, khi chính quyền Diệm lộ rõ bộ mặt phản động, phá hoại cuộc tổng tuyển cử. Phong trào đấu tranh còn nhằm chống khủng bố, đàn áp, chống chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” của chúng, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng. Từ hình thức đấu tranh chính trị, hòa bình chuyển sang dùng bạo lực, tiến hành đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

**Phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960)**

Trong những năm 1957 - 1959, Mỹ - Diệm mở rộng chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”; tăng cường khủng bố, đàn áp; ra sắc lệnh “đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật”, thực hiện “đạo luật 10/59” (5 - 1959) lê máy chém khắp miền Nam, giết hại những người kháng chiến cũ...

Trên cơ sở nhận định tình hình miền Nam dưới chế độ Mỹ - Diệm, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng (đầu năm 1959) xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng các lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

Có nghị quyết của Đảng soi sáng, phong trào nổi dậy của quần chúng, từ chỗ lẻ tẻ ở từng địa phương như cuộc nổi dậy Vinh Thạnh - Bình Định, Bác Ái - Ninh Thuận (2 - 1959), Trà Bồng - Quảng Ngãi (8 - 1959), đã lan rộng ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng với cuộc “Đồng khởi”, tiêu biểu ở Bến Tre.

Ngày 17 - 1 - 1960, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bến Tre, nhân dân các xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày với các loại vũ khí có trong tay, đồng loạt nổi dậy đánh đồn bốt, diệt ác ôn, giải tán chính quyền địch. Từ ba xã điểm, cuộc nổi dậy lan nhanh ra toàn huyện Mỏ Cày và tỉnh Bến Tre. Quần chúng nhân dân đã phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị và hệ thống kìm kẹp của địch ở thôn xã. Ở những nơi đó, ủy ban Nhân dân tự quản được thành lập, lực lượng vũ trang nhân dân ra đời và phát triển, ruộng đất của địa chủ cường hào bị tịch thu đem chia cho dân cày nghèo.

Từ Bến Tre, phong trào “Đồng khởi" như nước vỡ bờ, lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số nơi ở miền Trung Trung Bộ.

“Đồng khởi” đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam, gây tác động mạnh, làm lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đinh Diệm.

“Đồng khởi” thắng lợi, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Từ trong khí thể đó, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20 - 12 - 1960).

**3.2.2. Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam (1961 - 1965)**

***3.2.2.1. Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1961 - 1965)***

**Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9 - 1960)**

Giữa lúc miền Bắc đang giành thắng lợi to lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển kinh tế, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có bước phát triển nhảy vọt với phong trào “Đồng khởi”, thì vào tháng 9 - 1960, Đảng Lao động Việt Nam họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tại Thủ đô Hà Nội.

Sau khi phân tích đặc điểm tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền dưới hai chế độ chính trị, xã hội khác nhau. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng trình bày trước Đại hội đã xác định nhiệm vụ của cách mạng từng miền Bắc - Nam: miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Nam đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Trong việc thực hiện mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, cách mạng mỗi miền có vị trí, vai trò riêng.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Đại hội đề ra đường lối chung của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cụ thể hóa đường lối đó trong kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 - 1965), nhằm “thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội; đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa”.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị của Đảng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất.

**Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 -1965)**

Miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm, nhằm tạo dựng bước đầu cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. Nhà nước tăng đầu tư vốn cho xây dựng kinh tế gấp ba lần so với thời kỳ khôi phục kinh tế.

Công nghiệp được Nhà nước ưu tiên đầu tư vốn để phát triển. Trong công nghiệp nặng, có khu gang thép Thái Nguyên, các nhà máy nhiệt điện Uông Bí, thủy điện Thác Bà, phân đạm Bắc Giang, supe phốt phát Lâm Thao... Trong công nghiệp nhẹ, có các khu công nghiệp Việt Trì, Thượng Đỉnh (Hà Nội), các nhà máy đường Vạn Điếm, sứ Hải Dương, pin Văn Điển, dệt 8-3, dệt kim Đồng - Xuân... Công nghiệp quốc doanh chiếm tỉ trọng 93,1 % trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp toàn miền Bắc, giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân ở địa phương, có hàng trăm xí nghiệp công nghiệp được xây dựng để hỗ trợ cho công nghiệp trung ương và giải quyết nhu cầu tại chỗ.

Nông nghiệp được coi là cơ sở của công nghiệp. Nhà nước ưu tiên xây dựng và phát triển các nông trường, lâm trường quốc doanh, trại thí nghiệm cây trồng và vật nuôi... Người nông dân mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

Tỉ lệ sử dụng cơ khí trong nông nghiệp tăng lên. Diện tích nước tưới được mở rộng nhờ phát triển hệ thống thủy nông vừa và nhỏ. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất 5 tấn thóc trên 1 hécta. Trên 90% hộ nông dân vào hợp tác xã, trong đó 50% hộ vào hợp tác xã bậc cao.

Thương nghiệp quốc doanh được Nhà nước ưu tiên phát triển nên đã chiếm lĩnh được thị trường, góp phần vào phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

Trong giao thông vận tải, các mạng lưới đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển được xây dựng, củng cố, hoàn thiện, đã phục vụ đắc lực cho yêu cầu giao lưu kinh tế và củng cố quốc phòng.

Các ngành văn hoá, giáo dục, y tế có bước phát triển và tiến bộ đáng kể. Vấn đề văn hoá - tư tưởng, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa được đặc biệt coi trọng. Về giáo dục, so với năm học 1960 - 1961, số học sinh phổ thông năm học 1964 - 1965 tăng từ 1.9 triệu lên 2,7 triệu, số sinh viên đại học tăng từ 17 000 lên 27 000. Ngành y tế mở rộng mạng lưới đến tận huyện, xã.

Miền Bắc còn làm nghĩa vụ hậu phương, chi viện cho miền Nam. Trong 5 năm (1961 - 1965), một khối lượng lớn vũ khí, đạn dược, thuốc men... được chuyển vào chiến trường. Ngày càng có nhiều đơn vị vũ trang, nhiều cán bộ quân sự, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế được huấn luyện đưa vào chiến trường tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng vùng giải phóng.

Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm đã làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Tại Hội nghị Chính trị đặc biệt (3 - 1964). Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: ‘‘Trong 10 năm qua, miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới”.

Kế hoạch 5 năm (1961 - 1965) đang được thực hiện có kết quả thì ngày 7 - 2 - 1965, Mỹ chính thức gây ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta. Miền Bắc phải chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế cho phù hợp với điều kiện thời chiến.

***3.2.2.2. Chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam (1961 - 1965)***

**Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam**

Sau thất bại trong phong trào "Đồng khởi'’ (1959 - 1960) ở miền Nam, Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, một chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ được tiến hành bằng quân đội tay sai do “cố vấn” Mỹ chỉ huy, sử dụng vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ.

Lực lượng quân đội Sài Gòn cũng tăng nhanh từ 170000 người (giữa năm 1961) đến 560000 người (cuối năm 1964), được trang bị nhiều vũ khí hiện đại, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới như “trực thăng vận”, “thiết xa vận”.

Được sự hỗ trợ chiến đấu và chỉ huy bằng hệ thống cố vấn của Mỹ, quân đội Sài Gòn mở nhiều cuộc hành quân càn quét hòng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Chúng tiến hành hoạt động gom dân, lập “ấp chiến lược", đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các ấp, tách dân ra khỏi cách mạng, tiến tới kiếm soát dân để “bình định" miền Nam. Chúng dự định dồn 10 triệu dân vào 16000 ấp chiến lược (trong tổng số 17000 ấp toàn miền Nam) bằng những thủ đoạn cưỡng bức trắng trợn. Mỹ và chính quyền Sài Gòn còn tiến hành nhiều hoạt động phá hoại miền Bắc, phong tỏa biên giới, vùng biển nhằm ngăn chặn sự thâm nhập từ bên ngoài vào miền Nam.

**Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ**

Dưới ngọn cờ cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam do Đảng lãnh đạo, quân giải phóng miền Nam cùng nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả ba vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị) bằng cả ba mũi chính trị, quân sự và binh vận.

Năm 1962, quân giải phóng cùng với nhân dân đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của quân đội Sài Gòn đánh vào chiến khu, căn cứ U Minh, Tây Ninh...

Trên mặt trận chống phá "bình định", ta và địch đấu tranh giằng co giữa lập và phá “ấp chiến lược”.

Đến giữa năm 1963, mặc dù Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành càn quét, nhưng cũng chỉ lập đuợc non nửa số ấp dự kiến (khoảng 7500 ấp). Số ấp lập được đó bị ta phá đi, phá lại nhiều lần, hoặc bị ta biến thành làng chiến đấu; đến cuối năm 1964 - đầu năm 1965, chỉ còn lại 1/3.

Bước vào năm thứ ba của cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, quân dân ta ở miền Nam giành thắng lợi vang dội trong trận Ấp Bắc Mỹ Tho) ngày 2 - 1 - 1963.

Tại đây, lần đầu tiên với số quân ít hơn địch 10 lần, quân giải phóng cùng với nhân dân đánh bại cuộc hành quân càn quét của trên 2000 quân Sài Gòn có cố vấn Mỹ chỉ huy. Chiến thắng Ấp Bắc khẳng định khả năng quân dân miền Nam có thể đánh bại hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Sau trận Ấp Bắc trên khắp miền Nam dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.

Ở đô thị, ngày 8 - 5 - 1963, hai vạn tăng ni Phật tử Huế biểu tình phản đối việc chính quyền Sài Gòn cấm treo cờ Phật. Ngô Đình Diệm ra lệnh đàn áp, làm hàng chục Phật tử chết và bị thương. Một làn sóng ủng hộ phong trào Phật tử Huế lan nhanh ra cả nước, mạnh nhất ở Sài Gòn. Ngày 11 - 6 - 1963, ngay trên đường phố Sài Gòn, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính quyền Diệm, gây xúc động mạnh trong nhân dân. Ngay 16 - 6 - 1963, một cuộc biểu tình lớn của 70 vạn quần chúng Sài Gòn làm rung chuyển chế độ Sài Gòn. Tình thế đã buộc Mỹ phải thay Diệm. Ngày 1 - 11 - 1963, Mỹ chỉ đạo các tướng lĩnh trong quân đội Sài Gòn do Dương Văn Minh cầm đầu làm đảo chính lật đổ chính quyền của anh em Diệm - Nhu với hi vọng ổn định tình hình.

Phối hợp với đấu tranh chính trị của quần chúng, lực lượng quân giải phóng liên tiếp mở những chiến dịch tiến công quy mô lớn, tiêu biểu là chiến dịch Đông - Xuân 1964 - 1965 trên các chiến trường miền Nam và miền Trung.

Với những chiến thắng dồn dập, quân dân ta ở miền Nam đã làm phá sản chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

**3.2.3. Chiến đấu chống “chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ. Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1965 - 1968)**

***3.2.3.1. Chiến đấu chống “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965 - 1968)***

**Chiến lược “Chiến tranh cục bộ" của Mỹ ở miền Nam**

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt", Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ - được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mỹ, quân đồng minh (Hàn Quốc, Úc, New Zealand…) và quân đội Sài Gòn - lúc cao điểm nhất (vào năm 1969) lên đến gần 1.5 triệu quân.

Dựa vào ưu thế quân sự, với quân số đông, vũ khí hiện đại, hỏa lực mạnh, Mỹ vừa mới vào miền Nam đã cho quân mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mỹ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô: đông - xuân 1965 - 1966 và 1966 -1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định".

**Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ**

Nhân dân ta vẫn giành được thắng lợi bằng sức mạnh của cả dân tộc, của tiền tuyến và hậu phương cùng với ý chí “quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược”. Mở đầu là thắng lợi ở Vạn Tường (Quảng Ngãi).

Mờ sáng 18 - 8 - 1965, Mỹ huy động 9000 quân, 105 xe tăng và xe bọc thép, 100 máy bay lên thẳng và 70 máy bay phản lực chiến đấu, 6 tàu chiến, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường.

Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân vào Vạn Tường của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy 22 xe tăng và xe bọc thép, hạ 13 máy bay.

Chiến thắng Vạn Tường đã mở đầu cao trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam.

Sau trận Vạn Tường, khả năng chiến thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ" của quân dân ta tiếp tục được chứng minh trong hai mùa khô.

Bước vào mùa khô thứ nhất (đông - xuân 1965 - 1966), với 720.000 quân (trong đó có 220.000 quân Mỹ), địch mở đợt phản công với 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Khu V, với mục tiêu đánh bại chủ lực quân giải phóng.

Bước vào mùa khô thứ hai (đông - xuân 1966 - 1967), với lực lượng được tăng lên hơn 980.000 quân (riêng quân Mỹ và đồng minh chiếm hơn 440.000), Mỹ mở đợt phản công với ba cuộc hành quân lớn “tìm diệt” và "bình định”, lớn nhất là cuộc hành quân Gian-xơn Xi-ti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh) nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

Kết quả sau hai mùa khô, trên toàn miền Nam, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu hơn 240.000 tên địch, bắn rơi và phá hủy hơn 2.700 máy bay, phá hủy hơn 2.200 xe tăng và xe bọc thép, hơn 3.400 ô tô.

Ở hầu khắp các vùng nông thôn, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng nhân dân đã đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá vỡ nhiều mảng “ấp chiến lược” của chúng. Trong hầu khắp các thành thị, giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, binh sĩ Sài Gòn... đấu tranh đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng được mở rộng. Uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

Đến cuối năm 1967, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam đã có cơ quan thường trực ở các nước xã hội chủ nghĩa và ở một số nước khác. Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế và 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

**Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968)**

Bước vào xuân 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn trong năm bầu cử tổng thống ở Mỹ (1968), ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam mà trọng tâm là các đô thị nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mỹ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mỹ phải đàm phán và rút quân về nước.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 - rạng sáng 31-1-1968 (Tết Mậu Thân).

Quân dân ta ở miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37 trong tổng số 44 tỉnh, 4 trong số 6 đô thị lớn, 64 trong số 242 quận lị, ở hầu khắp các 'ấp chiến lược' các vùng nông thôn.

Tại Sài Gòn, quân giải phóng tiến công đến tận các vị trí đầu não của địch như tòa Đại sứ Mỹ, Dinh Độc lập, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất...

Mặc dù có những tổn thất do thiếu sót trong chỉ đạo, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy có ý nghĩa to lớn, làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố "phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”), chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.

***3.2.3.2. Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ; tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm nghĩa vụ hậu phương (1965 - 1968)***

**Mỹ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc**

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, cùng với việc đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, Mỹ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

Ngày 5 - 8 - 1964, sau khi dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc như cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vịnh Bến Thủy (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hóa), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh).

Ngày 7 - 2 - 1965, lấy cớ “trả đũa" việc quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mỹ ở Plây-ku, Mỹ cho máy bay ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới (Quảng Bình), đảo Cồn Cỏ (Vĩnh Linh - Quang Trị), cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa)..., chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

Không quân và không quân của hải quân Mỹ tập trung ném bom các mục tiêu quân sự, các đầu mối giao thông, các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, các công trình thủy lợi, các khu đông dân. Chúng ném bom cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng, đền, chùa và nhà thờ.

**Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất**

Ngay từ ngày đầu Mỹ mở rộng chiến tranh, miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hóa toàn dân, đào đắp công sự chiến đấu, hầm hào phòng tránh; triệt để sơ tán, phân tán những nơi đông dân để tránh thiệt hại về người và của.

Trong điều kiện chiến tranh phá hoại, ta chủ trương đẩy mạnh kinh tế địa phương, chú trọng phát triển nông nghiệp. Xây dựng kinh tế thời chiến theo hướng đó sẽ hạn chế được sự tàn phá của chiến tranh, tăng khả năng đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến đấu tại chỗ và đời sống của nhân dân từng địa phương.

Trên toàn miền Bắc dấy lên phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước, thể hiện sáng ngời chân lí “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong hơn bốn năm (từ ngày 5-8-1964 đến ngày 1-11-1968), miền Bắc đã bắn rơi, phá hủy 3.243 máy bay Mỹ, trong đó có 6 máy bay B52, 3 máy bay F111; tiêu diệt và bắt sống hàng nghìn phi công Mỹ; bắn cháy và bắn chìm 143 tàu chiến Mỹ. Ngày 1-11-1968, Mỹ tuyên bố ngừng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

**Trên mặt trận sản xuất, miền Bắc cũng lập được những thành tích quan trọng.**

Về nông nghiệp, diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, ngày càng có nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt “Ba mục tiêu” (5 tấn thóc, 2 đầu lợn, 1 lao động) trên 1 hécta diện tích gieo trồng trong 1 năm. Năm 1965, miền Bắc có 7 huyện, 640 hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc trên 1 hécta trong hai vụ, đến năm 1967 tăng lên 30 huyện và 2.485 hợp tác xã.

Về công nghiệp, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững. Các cơ sở công nghiệp lớn đã kịp thời sơ tán, phân tán, sớm đi vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhất cho chiến đấu và đời sống. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng phát triển. Mỗi tỉnh trở thành một đơn vị kinh tế tương đối hoàn chỉnh.

Giao thông vận tải là một trong những trọng điểm bắn phá ác liệt của địch, nhưng ta vẫn bảo đảm giao thông thông suốt, đáp ứng được yêu cầu phục vụ chiến đấu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

**Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn**

Là hậu phương lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc luôn hướng về miền Nam. Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu ***“Mỗi người làm việc bằng hai”***. Vì tiền tuyến kêu gọi hậu phương sẵn sàng đáp lại ***'‘Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”***.

Tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc - Nam mang tên đường Hồ Chí Minh trên bộ (dọc theo dãy Trường Sơn) và đường Hồ Chí Minh trên biển (dọc theo bờ biển) bắt đầu khai thông từ tháng 5 - 1959, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

Nhờ hai tuyến đường vận chuyển chiến lược trên, trong 4 năm (1965 - 1968), miền Bắc đã đưa hơn 300.000 cán bộ, bộ đội vào Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hóa tại các vùng giải phóng. Miền Bắc đã gửi vào miền Nam hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung, sức người, sức của từ miền Bắc chuyển vào miền Nam sau bốn năm đã tăng gấp 10 lần so với thời kỳ trước.

**3.2.4. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ. Khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc (1969 - 1973)**

***3.2.4.1. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ (1969 - 1973)***

**Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong việc tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh (1969 -1973)**

Âm mưu:

- Đế quốc Mỹ tiếp tục thực hiện âm mưu “Dùng người Việt đánh người Việt”, “Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”, giảm xương máu người Mỹ trên chiến trường.

Thủ đoạn và hành động:

- “Việt Nam hóa chiến tranh” được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp của hỏa lực và không quân Mỹ, vẫn do cố vấn Mỹ chỉ huy.

- Mỹ sử dụng quân đội Sài Gòn để mở các cuộc hành quân xâm lược Campuchia và tăng cường chiến tranh với Lào.

- Mỹ còn dùng ngoại giao thỏa hiệp với Liên Xô và Trung Quốc để cô lập cách mạng Việt Nam với thế giới.

**Nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia đã giành được những thắng lợi chung trên các mặt trận quân sự và chính trị trong chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969 - 1973)**

\* Mặt trận chính trị:

- Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập ngày 6-6-1969.

- Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời là một tổn thất lớn đối với cách mạng Việt Nam.

- Ngày 24 và 25 - 4 - 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia họp để biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu, chống đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

\* Mặt trận quân sự:

- Ngày 30 - 4 đến ngày 30 - 6 - 1970, quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Cam-pu-chia, đập tan cuộc hành quân xâm lược Cam-pu-chia của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn, tiêu diệt 17.000 tên địch, giải phóng vùng đất đai rộng lớn với 4,5 triệu dân.

- Ngày 12 - 2 đến ngày 23 - 3 - 1971, quân đội Việt Nam phối hợp với quân dân Lào, đập tan cuộc hành quân “Lam Sơn 719”, tiêu diệt 22.000 quân Mỹ và quân đội Sài Gòn ở đường 9 - Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương.

**Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và ý nghĩa lịch sử của cuộc tiến công này**

\* Diễn biến:

- Ngày 30 - 3 - 1972: quân ta mở cuộc tiến công chiến lược, đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tấn công chủ yếu, rồi phát triển rộng khắp miền Nam.

- Cuối tháng 6 - 1972, quân ta chọc thủng ba phòng tuyến mạnh nhất của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, diệt 20 vạn quân Sài Gòn, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn.

- Sau đó, địch phản công mạnh, gây cho ta nhiều thiệt hại. Mỹ tiến hành trở lại chiến tranh phá hoại miền Bắc.

\* Ý nghĩa:

- Giáng đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

- Buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh xâm lược, thừa nhận sự thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của chúng.

***3.2.4.2. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho miền Nam, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1969 - 1973)***

**Những thành tựu của miền Bắc trong việc thực hiện nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa (1969 - 1973)**

\* Về nông nghiệp:

- Nhiều hợp tác xã đạt được mục tiêu 5 tấn thóc, một số đạt từ 6 đến 7 tấn/ha.

- Năm 1970, sản lượng lương thực tăng hơn 60 vạn tấn so với năm 1968.

\* Về công nghiệp:

- Các cơ sở công nghiệp bị tàn phá được khôi phục nhanh chóng. Nhiều công trình đang làm dở được ưu tiên đầu tư xây dựng tiếp và đưa vào hoạt động.

- Tháng 10 - 1971, nhà máy thủy điện Thác Bà (Yên Bái) được hoàn thành và bắt đầu phát điện.

- Một số ngành công nghiệp quan trọng như điện, than, cơ khí, vật liệu xây dựng,… đều có bước phát triển.

- Sản lượng công nghiệp năm 1971 tăng 142% so với năm 1968.

\* Về giao thông vận tải: các tuyến giao thông chiến lược bị phá hoại nặng nề được khẩn trương khôi phục.

\* Về văn hóa, giáo dục, y tế: cũng nhanh cũng khôi phục và phát triển, đời sống nhân dân dần ổn định.

**Miền Bắc chi viện cho miền Nam:**

+ Đảm bảo tiếp nhận hàng viện trợ từ các nước XHCN và chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam, cả Lào và Campuchia.

+ Từ năm 1969 - 1971: hàng chục vạn thanh niên nhập ngũ vào miền Nam, Lào, Campuchia. Năm 1972, 22 vạn thanh niên nhập ngũ vào chiến trường Đông Dương.

+ Chi viện khối lượng hàng hóa hậu cần tăng 1,6 lần trước kia (năm 1972 tăng 1,7 lần so với năm 1971).

**Những thắng lợi của quân dân miền Bắc trong trận chiến đấu chống cuộc tập kích đường không bằng máy bay B52 cuối năm 1972 của Mỹ**

- Nhân dân miền Bắc chủ động, kịp thời chống trả cuộc tập kích bằng không quân của địch.

- Các hoạt động sản xuất, xây dựng miền Bắc vẫn không bị ngừng trệ, giao thông vận tải đảm bảo thông suốt, văn hóa, giáo dục, y tế được duy trì và phát triển.

- Ngày 14 - 12 - 1972, Ních-xơn mở cuộc tập kích không quân bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến hết ngày 29 - 12 - 1972).

- Quân dân miền Bắc đã đánh trả ngay từ trận đầu và đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích bằng không quân của Mỹ, làm nên trận "Điện Biên Phủ trên không”. Ta đã hạ 81 máy bay (34 chiếc B52, 5 chiếc F111), bắt sống 43 phi công Mỹ. Tính chung trong chiến tranh phá hoại lần thứ hai, ta hạ 735 máy bay (61 B52, 10 F111), 125 tàu chiến, tiêu diệt và bắt sống hàng trăm phi công.

- “Điện Biên Phủ trên không" là trận thắng quyết định, buộc Mỹ phải trở lại Hội nghị Pa-ri và kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (27 - 1 - 1973).

***3.2.4.3. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Paris 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam***

Tháng 12-1972, Mỹ mở cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm. Quân dân miền Bắc đã đập tan cuộc tập kích bằng không quân của Mỹ, làm nên trận “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải trở lại ký Hiệp định Pa-ri.

Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam được ký kết giữa bốn Bộ trưởng đại diện các Chính phủ tham dự hội nghị.

Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pa-ri năm 1973

\* Nội dung:

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam lúc 24 giờ ngày 27-01-1973 và Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động chống phá miền Bắc Việt Nam.

- Hoa Kỳ rút hết quân viễn chinh và quân đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự Mỹ, cam kết không tiếp tục can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam.

- Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

- Các bên công nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.

- Các bên ngừng bắn tại chỗ, trao trả cho nhau tù binh và dân thường bị bắt.

- Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

\* Ý nghĩa:

- Là thắng lợi của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao.

- Là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất của quân dân ta trên cả hai miền đất nước.

- Mở ra bước ngoặt mới cho cách mạng Việt Nam. Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, rút quân về nước tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

**3.2.5. Khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc. Cả nước dồn sức giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc (1973 - 1975)**

***3.2.5.1. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ra sức chi viện cho miền Nam***

Sau Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam, quân Mỹ buộc phải rút khỏi nước ta, làm thay đổi so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng. Miền Bắc trở lại hòa bình, khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Đến cuối tháng 6 -1973, miền Bắc cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ thủy lôi, bom mìn do Mỹ thả trên biển, trên sông, bảo đảm đi lại bình thường.

Sau hai năm (1973 - 1974), về cơ bản miền Bắc khôi phục xong các cơ sở kinh tế, các hệ thống thủy nông, mạng lưới giao thông, các công trình văn hóa, giáo dục, y tế. Kinh tế có bước phát triển.

Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức năm 1964 và năm 1971 - là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Đời sống nhân dân được ổn định.

Thực hiện nghĩa vụ hậu phương, trong hai năm 1973 -1974, miền Bắc đưa vào các chiến trường gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, nhân viên kĩ thuật. Đột xuất trong hai tháng đầu năm 1975, miền Bắc gấp rút đưa vào miền Nam 5,7 vạn bộ đội. Miền Bắc cũng đưa vào chiến trường 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, thuốc men, lương thực, thực phẩm.

Chi viện của miền Bắc cho miền Nam thời kỳ này, ngoài việc phục vụ nhiệm vụ chiến đấu với trọng tâm tiến tới Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, còn chuẩn bị cho xây dựng và tiếp quản vùng giải phóng sau khi chiến tranh kết thúc.

***3.2.5.2. Đấu tranh chống địch “bình định, lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam***

Với Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam, ta đã “đánh cho Mỹ cút”. Ngày 29 - 3 - 1973, toán lính Mỹ cuối cùng đã rút khỏi nước ta. Nhưng Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn cố vấn quân sự, lập ra Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

Được cố vấn Mỹ chỉ huy và nhận viện trợ của Mỹ, chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri. Chúng huy động gần như toàn bộ lực lượng tiến hành chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, liên tiếp mở những cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm" vùng giải phóng.

Về phía ta, việc kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam và quân đội xâm lược Mỹ rút khỏi nước ta đã tạo nên sự thay đổi căn bản trong so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam chống âm mưu và hành động mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Trong cuộc đấu tranh chống "bình định - lấn chiếm'’, chống âm mưu “tràn ngập lãnh thổ” của địch vào những tháng đầu sau khi kí Hiệp định, nhân dân ta đã đạt được một số kết quả nhất định. Nhưng do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, do quá nhấn mạnh đến hòa bình, hòa hợp dân tộc... nên chúng ta bị mất đất, mất dân trên một số địa bàn quan trọng.

Nắm bắt tình hình trên, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 21 trong tháng 7 - 1973. Trên cơ sở nhận định kẻ thù vẫn là đế quốc Mỹ và tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu, kẻ đang phá hoại hòa bình, hòa hợp dân tộc, ngăn cản nhân dân ta đi tới độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc, Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn hiện tại là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, kiên quyết đấu tranh trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoai giao.

Từ cuối năm 1973, quân dân ta ở miền Nam vừa kiên quyết đánh trả địch trong các cuộc hành quân “bình định - lấn chiếm”, bảo vệ vùng giải phóng, vừa chủ động mở những cuộc tiến công địch tại những căn cứ xuất phát các cuộc hành quân của chúng, mở rộng vùng giải phóng.

Cuối năm 1974 - đầu năm 1975, ta mở đợt hoạt động quân sự đông - xuân vào hướng Nam Bộ, trọng tâm ở đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Quân ta đã giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh Đường 14 - Phước Long, giải phóng Đường 14, thị xã và toàn tỉnh Phước Long với 50.000 dân.

Tại các vùng giải phóng, đồng thời với cuộc đấu tranh bảo vệ quê hương, nhân dân ta ra sức khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, tăng nguồn dự trữ chiến lược cho cuộc chiến đấu hoàn thành giải phóng miền Nam.

Năm 1973, diện tích gieo trồng ở các vùng giải phóng thuộc đồng bằng sông Cửu Long tăng 20% so với năm 1972. Nhờ sản xuất phát triển, đóng góp của nhân dân cho cách mạng ngày càng tăng. Năm 1973, nhân dân khu IX (miền Tây Nam Bộ) đã đóng góp 1,7 triệu giạ lúa (bằng 34.000 tấn); trong 6 tháng đầu năm 1974, đóng góp được 2,7 triệu giạ (bằng 48.000 tấn).

Các ngành sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp, các mặt hoạt động văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế cũng được đẩy mạnh.

***3.2.5.3. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc***

**Sự thay đổi lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam sau Hiệp định Pa-ri**

Sau Hiệp định Pa-ri, lực lượng giữa ta và địch ở miền Nam thay đổi theo hướng có lợi cho ta:

- Phía địch:

+ Ngày 29-3-1973, quân Mỹ và quân đồng minh đã rút hết về nước.

+ Mỹ giữ lại 2 vạn cố vấn quân sự, lập Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn.

+ Thực tế, sự hỗ trợ của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn không còn lớn như trước được nữa.

- Phía ta:

+ Miền Bắc đẩy mạnh sản xuất và xây dựng, tăng tiềm lực kinh tế, quốc phòng, tạo điều kiện chi viện cho miền Nam.

+ Ở Miền Nam, vùng giải phóng được mở rộng.

+ Quân dân hăng hái tiến lên giành độc lập, toàn vẹn lãnh thổ.

**Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam**

- Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

- Bộ chính trị Trung ương Đảng đề ra kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976.

- Nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” và “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”, để bớt thiệt hại về người và của.

**Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975**

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã diễn ra trong gần hai tháng (từ ngày 4-3 đến ngày 2-5) qua ba chiến dịch lớn: Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh vào Sài Gòn.

***a) Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4-3 đến ngày 24-3)***

\* Vị trí Tây Nguyên: địa bàn chiến lược quan trọng mà ta và địch cố nắm giữ. Nhưng do nhận định sai hướng tiến công của ta, địch chốt giữ ở đây một lực lượng mỏng. Bộ Chính trị quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.

\* Diễn biến:

- Sau khi đánh nghi binh ở Plâyku và Kon Tum, ngày 10/3/1975 ta tiến công và giải phóng Buôn Mê Thuột. Ngày 12/03/1975, địch phản công chiếm lại nhưng không thành.

- Ngày 14/3/1975, Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút quân khỏi Tây Nguyên về giữ vùng duyên hải miền Trung. Trên đường rút chạy, chúng bị quân ta truy kích tiêu diệt.

- Ngày 24/03/1975, ta giải phóng Tây Nguyên với 60 vạn dân.

\* Ý nghĩa: Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sang giai đoạn mới: từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên phát triển thành Tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

***b) Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (từ ngày 21-3 đến ngày 29-3)***

- Nhận thấy thời cơ chiến lược đến nhanh và hết sức thuận lợi, ngay khi chiến dịch Tây Nguyên tiếp diễn, Bộ chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam, trước hết là chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.

- Phát hiện địch co cụm ở Huế, ngày 21/03 quân ta đánh thẳng vào căn cứ địch, chặn đường rút chạy và bao vây địch trong thành phố Huế.

- Ngày 25/03, ta tấn công vào Huế, 26/03 ta giải phóng Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Cùng thời gian, ta giải phóng thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai, uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam. Đà Nẵng rơi vào thế cô lập, hơn 10 vạn quân địch bị dồn ứ về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu.

- Sáng 29/3 quân ta tiến công Đà Nẵng, đến 3 giờ chiều ta chiếm toàn bộ thành phố.

- Cùng thời gian này, các tỉnh còn lại ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên, một số tỉnh ở Nam Bộ lần lượt được giải phóng.

***c) Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 26-4 đến ngày 30-4)***

- Sau hai chiến dịch, Bộ chính trị nhận định: "Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam... trước tháng 5/1975" với phương châm “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên “Chiến dịch Hồ Chí Minh”.

- Trước khi mở chiến dịch Hồ Chí Minh, quân ta đánh Xuân Lộc, Phan Rang - những căn cứ phòng thủ trọng yếu của địch để bảo vệ phía đông Sài Gòn.

- Quân ta phá tan tuyến phòng thủ của địch ở Phan Rang (16/4/1975), Xuân Lộc (21/4) làm Mỹ và quân đội Sài Gòn vô cùng hoảng loạn.

- Ngày 18/4/1975, Tổng thống Mỹ ra lệnh di tản toàn bộ người Mỹ ra khỏi Sài Gòn.

- Ngày 21/4, khi biết tin quân ta giải phóng Xuân Lộc, Nguyễn Văn Thiệu đã từ chức tổng thống và di tản.

- 17 giờ ngày 26/4, quân ta mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh. Cả 5 cánh quân đồng loạt tiến vào trung tâm Sài Gòn, đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch.

- 10 giờ 45 phút ngày 30/4, xe tăng của ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt sống toàn bộ Chính phủ Trung ương Sài Gòn. Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

- 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên tòa nhà Phủ tổng thống, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

- Các tỉnh còn lại của Nam Bộ, nhân dân đã nhất tề nổi dậy và tiến công theo phương thức xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh.

- Ngày 2/5/1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng (Châu Đốc là tỉnh cuối cùng được giải phóng).

***3.2.5.4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước***

**Nguyên nhân thắng lợi**

- Nguyên nhân chính là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phương pháp đấu tranh linh hoạt, kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Nhân dân ta giàu lòng yêu nước, đoàn kết, nhất trí, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm vì sự nghiệp cách mạng.

- Hậu phương miền Bắc đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

- Sự phối hợp chiến đấu và đoàn kết giúp đỡ của ba dân tộc ở Đông Dương.

- Sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

- Nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới phản đối cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ.

**Ý nghĩa lịch sử**

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

- Mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc: đất nước độc lập, thống nhất, đi lên Chủ nghĩa xã hội.

- Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào cách mạng thế giới, nhất là phong trào giải phóng dân tộc.

- Cùng với chiến thắng Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ, đại thắng mùa xuân 1975 đã cắm thêm một mốc vinh quang chói lọi trong quá trình đi lên của lịch sử Việt Nam, có tầm quan trọng quốc tế, có tính thời đại sâu sắc.

**3.3. Việt Nam từ 1975 đến nay**

**3.3.1. Việt Nam xây dựng lại đất nước (1975 - 1986)**

***3.3.1.1. Việt Nam năm đầu sau đại thắng mùa xuân (1975 - 1976)***

**Tình hình hai miền Bắc-Nam sau đại thắng mùa xuân 1975**

Đại thắng Xuân 1975 đã đưa đất nước ta bước vào kỉ nguyên độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trải qua hơn hai mươi năm (1954 - 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được cơ sở vật chất - kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Nhưng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mĩ kéo dài và hết sức ác liệt đã tàn phá nặng nề gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc, làm cho quá trình tiến lên của đất nước bị chậm lại nhiều năm.

Nhiều làng mạc, đồng ruộng bị tàn phá. Nửa triệu hécta ruộng đất bị bỏ hoang. Một triệu hécta ruộng bị chất độc hóa học và bom đạn cày xới. Vô số bom mìn còn vùi lấp trên các cánh đồng, ruộng vườn, nơi cư trú của nhân dân. Đội ngũ thất nghiệp có tới hàng triệu người. Số người mù chữ chiếm tỉ lệ lớn trong cư dân.

Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng chế độ thực dân mới của Mĩ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn ở trung ương bị sụp đổ, nhưng cơ sở của chúng ở địa phương cùng bao di hại xã hội vẫn còn tồn tại.

Trong chừng mực nhất định, miền Nam có nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản, song nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu, sản xuất nhỏ và phân tán là phổ biến, phát triển mất cân đối, lệ thuộc nặng nề vào viện trợ từ bên ngoài.

**Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế-văn hóa ở hai miền đất nước**

***Ở miền Bắc:***

- Tuy chiến tranh đã chấm dứt sau Hiệp định Pa-ri năm 1973, nhưng do sự tàn phá nặng nề của hai lần chiến tranh phá hoại nên đến giữa năm 1976 mới căn bản hoàn thành nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế.

- Trong việc thực hiện kế hoạch Nhà nước 6 tháng cuối năm 1975 và 6 tháng đầu năm 1976, miền Bắc có những tiến bộ đáng kể. Diện tích trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp năm 1976 tăng hơn năm 1975. Nhiều công trình, nhà máy được xây dựng và mở rộng thêm, sản lượng của phần lớn các sản phẩm quan trọng đều đạt và vượt mức trước chiến tranh. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, nghệ thuật phát triển mạnh.

- Miền Bắc còn ra sức làm tròn nghĩa vụ của căn cứ địa cách mạng cả nước và nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Cam-pu-chia trong giai đoạn mới.

***Ở miền Nam:***

- Công việc tiếp quản các vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hóa được tiến hành khẩn trương và đạt kết quả tốt.

- Ở các thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng và các vùng mới giải phóng, chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng các cấp nhanh chóng được thành lập.

- Được sự hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước, hàng triệu đồng bào miền Nam trong thời gian chiến tranh bị dồn vào các “ấp chiến lược” hay bỏ chạy vào các thành phố, không có việc làm, được hồi hương, chuyển về nông thôn tham gia sản xuất hoặc đi xây dựng vùng kinh tế mới.

- Chính quyền cách mạng tịch thu toàn bộ tài sản và ruộng đất của bọn phản động trốn ra nước ngoài, tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân, quốc hữu hóa ngân hàng, thay đổi tiền của chính quyền Sài Gòn bằng đồng tiền cách mạng.

- Để đáp ứng nhu cầu cấp bách trước mắt và lâu dài của nhân dân về lương thực, chính quyền cách mạng rất chú trọng khôi phục sản xuất nông nghiệp. Các cơ sở sản xuất công nghiệp và thủ công nghiệp trở lại hoạt động.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế... được tiến hành khẩn trương từ những ngày đầu mới giải phóng.

**Thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975-1976)**

Sau đại thắng Xuân 1975, Tổ quốc Việt Nam đã được thống nhất về lãnh thổ song ở mỗi miền lại tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau.

Đáp lại nguyện vọng chính đáng của nhân dân cả nước, tháng 9 - 1975. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Từ ngày 15 đến ngày 21 - 11 - 1975, Hội nghị hiệp thương chính trị thống nhất đất nước họp tại Sài Gòn, đã hoàn toàn nhất trí về chủ trương, thống nhất đất nước về mặt nhà nước do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 24 đề ra.

Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành trong cả nước. Hơn 23 triệu cử tri (98,8% tổng số cử tri) đi bầu cử.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3 - 7 - 1976, Quốc hội khóa VI của nước Việt Nam thống nhất họp kỳ đầu tiên tại Hà Nội.

Quốc hội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất. Quốc hội quyết định lấy tên nước ta là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ ngày 2 - 7 - 1976), quyết định Quốc huy, Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn - Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

Ở địa phương, Quốc hội quyết định tổ chức thành ba cấp chính quyền: cấp tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, cấp huyện và tương đương, cấp xã và tương đương, ở mỗi cấp chính quyền có Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân.

Với kết quả của Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa VI, công việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã hoàn thành. Từ đây, việc tiếp tục hoàn thành thống nhất trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ gắn liền với việc thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong phạm vi cả nước.

***3.3.1.2. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986)***

**Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980)**

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Hà Nội tháng 12 - 1976 đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước, quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980).

Trong 5 năm này, nước ta thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vừa xây dựng đất nước vừa cải tạo quan hệ sản xuất nhằm hai mục tiêu cơ bản: xây dựng một bước cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Sau 5 năm, nhân dân ta đạt được những thành tựu rất quan trọng về mọi mặt.

- Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị địch bắn phá về cơ bản đã được khôi phục xong và bước đầu phát triển. Diện tích gieo trồng tăng thêm gần 2 triệu hécta. Nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng. Giao thông vận tải được khôi phục và xây dựng mới 1700 km đường sắt, 3800 km đường bộ. Tuyến đường sắt Thống nhất từ Hà Nội đi Thành phố Hồ Chí Minh sau 30 năm bị gián đoạn đã hoạt động trở lại.

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh trong các vùng mới giải phóng ở miền Nam: giai cấp tư sản mại bản bị xóa bỏ, đại bộ phận nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, thủ công nghiệp và thương nghiệp được sắp xếp và tổ chức lại.

- Xóa bỏ những biểu hiện của văn hóa phản động, đồi trụy, xây dựng nền văn hóa mới cách mạng. Giáo dục ở các cấp mẫu giáo, phổ thông, đại học đều phát triển. Năm học 1979 -1980, tính chung số người đi học thuộc các đối tượng trong cả nước là 15 triệu, tăng hơn năm học 1976 - 1977 là 2 triệu.

Tuy nhiên, nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối lớn, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

**Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985)**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp tháng 3 - 1982 khẳng định tiếp tục đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước do Đại hội IV đề ra, nhưng có sự điều chỉnh, bổ sung và cụ thể hóa cho từng chặng đường, từng giai đoạn để phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Đại hội V xác định thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trải qua nhiều chặng, gồm chặng đường đầu tiên và những chặng đường tiếp sau. Đại hội quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985).

Trong 5 năm này, nước ta phát triển thêm một bước, sắp xếp lại cơ cấu và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế quốc dân nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng những nhu cầu cấp bách và thiết yếu của đời sống nhân dân, giảm nhẹ những mặt cân đối nghiêm trọng nhất của nền kinh tế.

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch Nhà nước, đất nước đã có những chuyển biến và tiến bộ đáng kể.

- Trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, đã chặn được đà giảm sút của 5 năm trước (1976 -1980) và có bước phát triển: Năm 1981 - 1985, sản xuất nông nghiệp tăng bình quân hàng năm 4,9% so với 1,9% của thời kỳ 1976 - 1980; sản xuất lương thực tăng bình quân hàng năm từ 13,4 triệu tấn trong thời kỳ 1976 - 1980, lên 17 triệu tấn, sản xuất công nghiệp tăng bình quân hàng năm 9,5% so với 0,6% của thời kỳ 1976 - 1980. Thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4% so với 0.4% của 5 năm trước.

- Về xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật, đã hoàn thành hàng trăm công trình tương đối lớn, hàng nghìn công trình vừa và nhỏ. Dầu mỏ bắt đầu được khai thác, công trình thủy điện Hòa Bình, thủy điện Trị An được khẩn trương xây dựng và đi vào hoạt động.

- Các hoạt động khoa học - kĩ thuật được triển khai, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển.

Tuy nhiên, những khó khăn yếu kém của 5 năm trước vẫn chưa được khắc phục, thậm chí có phần trầm trọng hơn, mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế, xã hội vẫn chưa thực hiện được.

***3.3.1.3. Chiến đấu bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1979)***

**Chiến đấu bảo vệ biên giới Tây - Nam**

Do có âm mưu từ trước, ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, tập đoàn Pôn Pốt ở Cam-pu-chia đã quay súng bắn vào nhân dân ta. Chúng liên tiếp mở những cuộc hành quân khiêu khích dọc biên giới, lấn chiếm lãnh thổ nước ta.

Tháng 5-1975, quân Khơme đỏ của Pôn Pốt đánh chiếm đảo Phú Quốc và đảo Thổ Chu. Ngày 22 - 12 - 1978, tập đoàn Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng với nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tiến đánh từ Hà Tiên đến Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược biên giới Tây - Nam nước ta.

Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân ta tổ chức cuộc phản công đánh đuổi quân Pôn Pốt. Ngày 7-1-1979, quân đội nhân dân Việt Nam phối hợp cùng lực lượng cách mạng Campuchia tiến công, xóa bỏ chế độ diệt chủng Pôn Pốt, giải phóng thủ đô Phnôm Pênh. Cuộc chiến tranh biên giới Tây - Nam nhanh chóng chấm dứt. Toàn bộ quân xâm lược Pôn Pốt bị quét sạch khỏi nước ta. Hòa bình được lập lại trên toàn tuyến biên giới Tây - Nam.

**Chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc**

Trung Quốc là nước láng giềng thân thiết của Việt Nam. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân hai nước đã từng gắn bó mật thiết, đoàn kết giúp đỡ nhau.

Nhưng từ năm 1978, Trung Quốc đã có những hành động làm tổn hại đến tình cảm giữa nhân dân hai nước như cho quân khiêu khích quân sự dọc biên giới, cắt viện trợ, rút chuyên gia về nước. Nghiêm trọng hơn, sáng 17 - 2 - 1979, Trung Quốc cho quân đội với lực lượng 32 sư đoàn mở cuộc tiến công nước ta dọc biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

Để bảo vệ lãnh thổ Tổ quốc, quân dân ta, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu. Cuộc chiến đấu ngoan cường vì độc lập tự do của nhân dân ta, cùng với sự phản đối mạnh mẽ của dư luận trong nước và thế giới, đã buộc Trung Quốc phải rút quân khỏi nước ta từ ngày 5 - 3 - 1979, đến ngày 18 - 3 - 1979 thì rút hết quân.

**3.3.2. Đất nước trên con đường đổi mới (1986 - 2000)**

***3.3.2.1. Giai đoạn 1986 - 1990***

**1. Hoàn cảnh lịch sử mới**

***a) Chủ quan***

- Trong thời gian thực hiện hai kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1985), cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở nước ta đạt nhiều thành tựu và ưu điểm đáng kể, song cũng gặp không ít khó khăn, khiến đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, trước kết là về kinh tế – xã hội.

- Nguyên nhân cơ bản: do ta mắc phải “sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”.

- Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

***b) Khách quan***

- Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cách mạng Khoa học - kỹ thuật.

- Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, nên Đảng và Nhà nước ta phải đổi mới.

**2. Đường lối đổi mới của Đảng**

- Đường lối đổi mới đề ra lần đầu tiên tại Đại hội VI (12 - 1986), được điều chỉnh, bổ sung và phát triển tại Đại hội VII (6 - 1991), Đại hội VIII (6 - 1996), Đại hội IX (4 - 2001).

***\* Quan điểm đối mới của Đảng:***

- Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà làm cho những mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

- Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa. Đổi mới kinh tế và chính trị gắn bó mật thiết, nhưng trọng tâm là đổi mới kinh tế.

***- Về đổi mới kinh tế:***

+ Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường

+ Xây dựng nền kinh tế quốc dân với cơ cấu nhiều ngành, nghề, nhiều quy mô, trình độ công nghệ.

+ Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng Xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

***- Về đổi mới chính trị:***

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

+ Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

+ Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

Đường lối đổi mới của Đảng được sự hưởng ứng rộng rãi của dư luận xã hội, đã nhanh chóng đi vào cuộc sống và đạt được thành tựu trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

**Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 - 1990)**

Cả nước tập trung sức người sức của nhằm thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Kết quả là nước ta từ chỗ thiếu ăn hàng năm (năm 1988, ta phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo), đến năm 1990, đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân. Hàng hóa trên thị trường dồi dào, nhất là hàng tiêu dùng, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tăng. Các cơ sở sản xuất đã gắn chặt với nhu cầu thị trường.

Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh và mở rộng về quy mô, hình thức. Hàng xuất khẩu tang gấp ba lần. Từ năm 1989, ta mở rộng thêm hàng xuất khẩu có giá trị lớn như gạo, dầu thô. Năm 1989, ta xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo (đứng thứ ba sau Thái Lan và Mỹ).

***3.3.2.2. Giai đoạn 1991 - 2000***

**Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1991 - 1995)**

Cả nước phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đưa nước ta về cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch (1991 -1995), tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hàng năm là 8,2%.

Nạn lạm phát ở mức cao từng bước bị đẩy lùi. Kinh tế đối ngoại phát triển, thị trường xuất nhập khẩu mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh.

Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường.

**Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1996 - 2000)**

Mục tiêu đề ra là tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; cải thiện đời sống nhân dân; nâng cao tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế.

Sau 5 năm thực hiện kế hoạch (1996 - 2000), nền kinh tế vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trong nước tăng bình quân hàng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế, xã hội.

Kinh tế đối ngoại tiếp tục phát triển. Trong 5 năm, xuất khẩu đạt 51,6 tỉ USD, tăng bình quân hàng năm 21% ; nhập khẩu đạt 61 tỉ USD. tăng bình quân hàng năm 13,3%; vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đưa vào thực hiện đạt 10 tỉ USD, gấp 1,5 lần so với 5 năm trước.

Khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực. Giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng, hình thức đào tạo và cơ sở vật chất.

Tình hình chính trị, xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường. Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng.

Những thành tựu đạt được trong 15 năm thực hiện ba kế hoạch Nhà nước 5 năm (1986 - 2000) đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân, củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa, nâng cao vị thế, uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Bên cạnh thành tựu và tiến bộ, chúng ta gặp không ít khó khăn và yếu kém trên nhiều mặt:

- Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

- Một số vấn đề văn hoá, xã hội còn bức xúc và gay gắt, chậm được giải quyết.

- Sự phân hóa giàu nghèo trong nhân dân bắt đầu xuất hiện và gia tăng.

- Sự chênh lệch về mức sống của người dân giữa nông thôn và thành thị, giữa vùng đồng bằng và vùng miền núi, hải đảo… vẫn còn tồn tại.

- Tình trạng tham nhũng, hối lộ, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị đạo đức, lối sống ở một bộ phận cán bộ, đảng viên bắt đầu xuất hiện.

Tình hình đó đòi hỏi nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ không ngừng phấn đấu để vươn tới những đỉnh cao mới theo con đường đúng đắn đã được xác định: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.